

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Hồng

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
MINH NGUYỆT

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Hồng

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Hồng Mã SV: 1012401050

Lớp: QT 1404K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính
 giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng
 Minh Nguyệt.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán được lấy từ phòng kế toán của công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Minh Nguyệt.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.
Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Thụ**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

ThS. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Những vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.	3
1.1.2. Đặc điểm của sản phẩm xây lắp	3
1.1.3. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	5
1.1.3.1. Khái niệm chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất	5
1.1.3.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm	8
1.1.3.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	10
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	11
1.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	12
1.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	12
1.2.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp	13
1.2.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang.....	14
1.2.4. Phương pháp tính giá thành	15
1.3. Nội dung công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp vừa và nhỏ.	18
1.3.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.	18
1.3.1.1.Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	18
1.3.1.2.Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	19
1.3.1.3. Chi phí sử dụng máy thi công	21
1.3.1.4. Kế toán chi phí sản xuất chung	23
1.3.1.5.Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm	24
1.3.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.	25
1.3.3. Hạch toán các khoản thiệt hại trong doanh nghiệp xây lắp.	26

1.3.3.1. Thiệt hại do sản xuất sản phẩm hỏng.....	26
1.3.3.2. Thiệt hại ngừng sản xuất.....	28
1.3.4. Hạch toán các khoản chi phí, các khoản thu về thanh lý máy móc thiết bị trong doanh nghiệp xây lắp.	30
1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp vừa và nhỏ.	30
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH NGUYỆT.....	
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.....	32
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.	32
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.	33
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.	34
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.	35
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	35
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Minh Nguyệt.	36
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán.....	36
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.....	37
2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.....	38
2.2. Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.	39
2.2.1. Kế toán chi phí sản xuất.....	39
2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất.....	39
2.2.1.2. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.....	40
2.2.1.3. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	40
2.2.1.4. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	50
2.1.4.5. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công.....	62

2.2.1.6. Kế toán chi phí sản xuất chung	69
2.2.2. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.....	80
2.2.3. Kế toán giá thành sản phẩm	80
2.2.3.1. Đối tượng tính giá thành	80
2.2.3.2. Kỳ tính giá thành.....	80
2.2.3.3. Phương pháp tính giá thành	80
CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH NGUYỆT.	87
3.1.Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.	87
3.1.1. Ưu điểm:.....	87
3.1.2. Nhược điểm	89
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.	91
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt...	91
3.2.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.	92
3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt	92
KẾT LUẬN	98
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	99

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề tài nghiên cứu này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến:

Các thầy, cô giáo trường Đại học Dân lập Hải Phòng – những người đã cho em nền tảng kiến thức, tận tình chỉ bảo những kinh nghiệm thực tế để em hoàn thành thật tốt khóa luận tốt nghiệp và tự tin bước vào nghề.

Thầy giáo – Ths. Nguyễn Văn Thụ đã hết lòng hỗ trợ và giúp đỡ em từ khâu chọn đề tài, cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập cho đến khi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Ban lãnh đạo, các cô, các bác, các anh, chị trong công ty, đặc biệt các cô, các bác, anh, chị trong phòng kế toán đã giúp em hiểu được thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty nói riêng. Điều đó đã giúp em vận dụng được những kiến thức lý thuyết đã học vào trong bối cảnh thực tế tại Doanh nghiệp, mà cụ thể ở đây là doanh nghiệp xây lắp. Quá trình thực tập đã cung cấp cho em những kinh nghiệm và kỹ năng quý báu, cần thiết của một kế toán trong tương lai.

Với niềm tin tưởng vào tương lai, sự nỗ lực hết mình không ngừng học hỏi của bản thân cùng với kiến thức và sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy giáo hướng dẫn **Thạc sỹ Nguyễn Văn Thụ**, các thầy cô, các cô, các bác và các anh chị kế toán đi trước, em xin hứa sẽ trở thành một kế toán viên giỏi và có những bước phát triển hơn nữa cho nghề nghiệp mà em đã chọn, để tự hào góp vào bảng thành tích chung của sinh viên ĐH Dân Lập Hải Phòng.

Cuối cùng, em chúc thầy cô cùng các cô, bác làm việc tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt dồi dào sức khỏe, thành công, hạnh phúc trong cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Kế toán là một trong những nghề lâu đời nhất và phổ biến nhất trên thế giới với lịch sử hình thành và phát triển trên dưới 6 nghìn năm. Xã hội càng phát triển kế toán càng trở nên quan trọng và trở thành công cụ không thể thiếu được trong quản lý kinh tế của nhà nước và của doanh nghiệp. Kế toán phản ánh một cách trung thực nhất tình hình tài chính của doanh nghiệp, thông qua kế toán, các chuyên gia quản lý bao quát được các hoạt động tài chính của doanh nghiệp, đồng thời lập kế hoạch cho hoạt động tiếp theo.

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất, độc lập giữ vị trí quan trọng, là khâu đầu tiên của tái sản xuất mở rộng và đóng vai trò quyết định trong việc tạo ra tài sản cố định cho nền kinh tế quốc dân, đòi hỏi phải tăng cường quản lý chặt chẽ và có hiệu quả. Hạch toán kế toán là công cụ để thực hiện công việc đó.

Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là công cụ quan trọng trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp sản xuất nói chung và doanh nghiệp xây lắp nói riêng. Chi phí sản xuất là những chi phí về sử dụng tài sản, vật tư, lao động trong quá trình sản xuất, là cơ sở để cấu tạo nên giá thành sản phẩm. Vì thế, việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm có hiệu quả tài sản, lao động...đi đôi với việc hạ thấp giá thành sản phẩm. Đó là nhiệm vụ chủ yếu của doanh nghiệp, là một trong những điều kiện để tăng tích lũy xã hội, tăng tốc độ và quy mô phát triển sản xuất kinh doanh, cải thiện và nâng cao đời sống người lao động.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất nói chung, doanh nghiệp xây lắp nói riêng, trong quá trình thực tập tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt, em đã đi sâu vào nghiên cứu tìm hiểu chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm xây dựng và chọn đề tài là: **“Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt”** để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

Trong khuôn khổ bài khóa luận tốt nghiệp, ngoài phần mở đầu và kết luận, em xin trình bày 3 phần chính sau:

Chương I: Cơ sở lý luận chung về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp vừa và nhỏ.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.

Khoá luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình, chu đáo của giáo viên hướng dẫn – **Th.S.Nguyễn Văn Thụ** cùng các cô, chú, anh, chị trong phòng kế toán của công ty. Mặc dù bản thân có rất nhiều cố gắng, xong do hạn chế về mặt thời gian cũng như sự nhận thức và trình độ nên chắc chắn khoá luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Do vậy, em rất mong được tiếp thu những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô để có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức của mình, phục vụ cho công tác kế toán sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Bùi Thị Hồng

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

Trong xu thế hội nhập sâu với thế giới, một doanh nghiệp muốn tồn tại và đứng vững thì phải tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình từ việc đầu tư vốn, tổ chức sản xuất đến việc tiêu thụ sản phẩm. Để cạnh tranh trên thị trường, ngoài việc các doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, thay đổi mẫu mã cho phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng thì doanh nghiệp phải giảm được giá thành sản phẩm. Giá thành giảm sẽ tăng được lợi nhuận cho doanh nghiệp – điều bất cứ doanh nghiệp nào cũng mong muốn. Chính vì vậy, việc nghiên cứu hạ giá thành sản phẩm là việc hết sức quan trọng.

Để giảm giá thành ở mức tối đa, doanh nghiệp buộc phải giảm tối đa các khoản chi phí sản xuất. Trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm phần lớn trong giá thành sản phẩm. Để làm được điều đó, doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, đồng thời tìm ra các biện pháp giảm chi phí không cần thiết, tránh lãng phí, tìm nguồn cung ứng nguyên liệu, vật liệu giá rẻ nhưng vẫn bảo đảm chất lượng... Ngoài ra, doanh nghiệp cần phải có bộ máy kế toán giỏi, năng động, trong đó công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành luôn luôn chính xác, khách quan có như vậy thông tin cung cấp cho các nhà quản lý doanh nghiệp mới đảm bảo độ tin cậy cao. Cho nên, việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp là cần thiết.

1.1.2. Đặc điểm của sản phẩm xây lắp

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất có vị trí hết sức quan trọng trong nền kinh tế thị trường, là quá trình xây dựng mới, xây dựng lại, cải tạo, hiện đại hóa. Khôi phục công trình nhà máy, xí nghiệp, đường xá, nhà cửa... nhằm phục vụ cho đời sống và sản xuất của xã hội.

Do đó, sản phẩm xây lắp mang tính ứng dụng cao, có những đặc điểm riêng mà không phải ngành nào cũng có:

- Sản phẩm xây lắp không có sản phẩm nào giống sản phẩm nào. Mỗi sản phẩm có yêu cầu về mặt thiết kế kỹ thuật, kết cấu, hình thức, địa điểm xây dựng khác nhau. Do vậy, mỗi sản phẩm xây lắp đều có yêu cầu tổ chức quản lý, tổ chức thi công và biện pháp thi công phù hợp với đặc điểm của từng công trình cụ thể, có như vậy việc sản xuất thi công mới mang lại hiệu quả cao và đảm bảo cho việc sản xuất được diễn ra liên tục.

- Sản phẩm xây lắp có tính đơn chiếc và được sản xuất theo hợp đồng nên chi phí bỏ vào sản xuất thi công giữa các công trình cũng hoàn toàn khác nhau, kể cả khi công trình thi công theo thiết kế mẫu nhưng được xây dựng ở những địa điểm khác nhau. Vì thế tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm cũng được tính cho từng sản phẩm xây lắp riêng biệt. Thông thường, đối tượng tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm là các công trình, hạng mục công trình.

- Sản phẩm xây lắp thường có quy mô lớn cả về kích thước lẫn tiền vốn, thời gian thi công dài. Trong thời gian thi công chưa tạo ra sản phẩm nhưng lại sử dụng nhiều vật tư, tiền vốn. Do đó, khi lập kế hoạch xây dựng cơ bản cần cân nhắc, thận trọng, theo dõi chặt chẽ quá trình thi công, đảm bảo sử dụng vốn tiết kiệm, bảo đảm chất lượng công trình. Do thời gian thi công dài nên các doanh nghiệp xây lắp và chủ đầu tư không thể chờ đến khi xây dựng xong mới tính toán và thanh toán. Chính vì thế, căn cứ vào dự toán, tiến độ thi công và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp hoàn thành, bên chủ đầu tư sẽ thanh toán cho bên nhận thi công.

- Các công trình xây lắp thường có thời gian sử dụng dài nên mọi sai lầm trong quá trình thi công thường khó sửa chữa. Sai lầm trong xây dựng cơ bản vừa gây lãng phí vừa để lại hậu quả có khi rất nghiêm trọng và khó khắc phục. Do đặc điểm này mà trong quá trình thi công cần phải thường xuyên kiểm tra giám sát chất lượng công trình, tránh phát sinh thêm chi phí ngoài dự toán.

- Sản phẩm xây lắp được sử dụng tại chỗ, địa điểm xây dựng luôn thay đổi theo địa bàn thi công. Nó chịu tác động của nơi xây dựng công trình về các mặt như giá vật liệu, giá nhân công... Mặt khác, việc xây dựng còn chịu tác động của địa chất, thủy văn. Khi công trình hoàn thành, điều đó có nghĩa người công nhân sẽ không còn việc gì ở đó nữa, phải chuyển đến thi công ở một công trình khác. Do đó sẽ phát sinh các chi phí như điều động nhân công, máy móc thi công, chi phí xây dựng tạm thời cho công nhân và máy móc thi công. Đặc điểm

này khiến cho các đơn vị xây lắp thường sử dụng lực lượng lao động thuê ngoài tại chỗ nơi thi công công trình để giảm bớt các chi phí khi di dời.

- Sản phẩm xây lắp được thanh toán theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư (giá đấu thầu), do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ (vì đã quy định giá, người mua, người bán sản phẩm trước khi xây dựng thông qua hợp đồng giao nhận thầu).

Những đặc điểm trên ảnh hưởng rất lớn đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp. Công tác kế toán vừa phải đáp ứng yêu cầu chung về chức năng, nhiệm vụ kế toán của một doanh nghiệp sản xuất vừa phải đảm bảo phù hợp với đặc thù của loại hình doanh nghiệp xây lắp.

1.1.3. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

1.1.3.1. Khái niệm chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất

❖ Khái niệm:

Chi phí sản xuất là toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện quá trình sản xuất và đạt được mục đích là tạo ra sản phẩm.

Cũng như các ngành sản xuất vật chất khác, quá trình sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp là quá trình biến đổi các yếu tố đầu vào bao gồm yếu tố về tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động để tạo ra sản phẩm xây lắp.

Như vậy, chi phí sản xuất của đơn vị xây lắp là toàn bộ chi phí về lao động sống và lao động vật hóa phát sinh trong quá trình sản xuất và cấu thành nên giá thành của sản phẩm xây lắp. Chi phí tiền công là biểu hiện bằng tiền của lao động sống, còn chi phí nguyên vật liệu... là biểu hiện bằng tiền của lao động vật hóa.

❖ Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp:

Trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng có nhiều loại chi phí sản xuất với nội dung kinh tế, công dụng và đặc tính khác nhau nên cần phải có sự phân loại chi phí để thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán. Phân loại chi phí là việc sắp xếp chi phí sản xuất vào từng loại, từng nhóm khác nhau theo những đặc trưng nhất định nhằm mục đích đáp ứng thông tin cần thiết và tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng thông tin kế toán. Do đó, đòi hỏi việc phân loại chi phí sản xuất phải khoa học và thống nhất.

Thông thường các loại chi phí trong doanh nghiệp thường được phân loại theo các tiêu thức sau:

➤ *Phân loại theo yếu tố chi phí:*

Căn cứ vào nội dung, tính chất kinh tế của chi phí để sắp xếp những chi phí có nội dung kinh tế ban đầu giống nhau vào cùng một nhóm chi phí. Theo cách phân loại này các chi phí sản xuất được chia thành các yếu tố chi phí:

- *Chi phí nguyên liệu, vật liệu:* bao gồm các chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, thiết bị xây dựng... sử dụng vào sản xuất kinh doanh (loại trừ giá trị vật liệu dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi).

- *Chi phí nhân công:* là toàn bộ tiền công và các khoản phải trả khác cho người lao động trong doanh nghiệp xây lắp.

- *Chi phí khấu hao tài sản cố định:* là toàn bộ giá trị khấu hao tài sản cố định phải trích trong kỳ của tất cả các tài sản cố định sử dụng cho sản xuất kinh doanh.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài:* là toàn bộ số tiền doanh nghiệp phải trả về các dịch vụ mua từ bên ngoài: tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại,... phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

- *Chi phí khác bằng tiền:* gồm toàn bộ chi phí khác dùng cho hoạt động sản xuất ở doanh nghiệp ngoài các chi phí trên như chi phí tiếp khách, hội họp, hội nghị.

Với việc phân loại này, các doanh nghiệp biết được cơ cấu, tỷ trọng từng yếu tố chi phí, là cơ sở để đánh giá, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán chi phí sản xuất, xây dựng kế hoạch cung ứng, đảm bảo các yếu tố chi phí sản xuất... Trên cơ sở các yếu tố chi phí đã tập hợp được để lập báo cáo chi phí sản xuất theo từng yếu tố chi phí.

➤ *Phân loại theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm*

Cách phân loại này dựa trên công dụng của chi phí trong quá trình sản xuất và phương pháp tập hợp chi phí có tác dụng tích cực cho việc phân tích giá thành so với định mức và đề ra các biện pháp hạ giá thành sản phẩm.

Nội dung các khoản mục bao gồm:

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:* là chi phí của các vật liệu chính, vật liệu phụ, vật liệu kết cấu, giá trị thiết bị kèm theo vật kiến trúc... cần thiết để tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp.

- *Chi phí nhân công trực tiếp:* là chi phí tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp lương, của công nhân trực tiếp tham gia xây lắp công trình (không bao gồm các khoản trích theo tiền lương như KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN).

- *Chi phí sử dụng máy thi công*: Khoản mục chi phí sử dụng máy thi công là những chi phí liên quan đến máy móc, thiết bị tham gia việc thi công công trình nhằm hoàn thành một khối lượng công việc nhất định. Không hạch toán vào khoản mục này các khoản trích theo lương phải trả công nhân sử dụng máy thi công (như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ).

- *Chi phí sản xuất chung*: là các chi phí sản xuất của đội, công trường xây lắp bao gồm: lương nhân viên quản lý đội xây lắp, các khoản trích theo lương theo tỷ lệ quy định, chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội, chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của đội...

➤ *Phân loại theo mối quan hệ của chi phí với khối lượng hoạt động*

Theo cách phân loại này, chi phí được chia thành:

- *Chi phí khả biến (biến phí)*: là các chi phí thay đổi tỷ lệ với mức hoạt động của đơn vị. Ví dụ: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công.

- *Chi phí bất biến (định phí)*: là các chi phí mà tổng số không thay đổi khi thay đổi về mặt khối lượng thực hiện. Ví dụ: chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí thuê mặt bằng, phương tiện kinh doanh... Song định phí tính cho một đơn vị sản phẩm thì lại biến đổi nếu số lượng sản phẩm thay đổi.

- *Chi phí hỗn hợp*: là chi phí mà bản thân nó bao gồm cả yếu tố biến phí lẫn định phí.

Cách phân loại chi phí này có tác dụng rất lớn đối với nhà quản trị kinh doanh trong việc phân tích điểm hòa vốn và phục vụ cho việc ra quyết định quản lý cần thiết để hạ giá thành sản phẩm và tăng hiệu quả kinh doanh.

➤ *Phân loại chi phí theo phương pháp tập hợp chi phí và mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí.*

Theo cách phân loại này, toàn bộ chi phí của doanh nghiệp được chia thành hai loại là chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

- *Chi phí trực tiếp*: là những khoản chi phí có quan hệ trực tiếp với việc sản xuất ra một loại sản phẩm, một công việc nhất định. Những chi phí này kế toán có thể căn cứ vào số liệu chứng từ kế toán để ghi trực tiếp cho đối tượng chịu chi phí như: chi phí nguyên vật liệu, tiền lương công nhân sản xuất.

- *Chi phí gián tiếp*: là những chi phí sản xuất liên quan đến việc sản xuất ra nhiều loại sản phẩm, nhiều công việc. Do đó, với những chi phí này kế toán phải tiến hành phân bổ cho những đối tượng liên quan theo tiêu thức phân bổ thích hợp.

Cách phân loại này có ý nghĩa quan trọng đối với việc xác định phương pháp tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng liên quan một cách chính xác và hợp lý.

1.1.3.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm

❖ Khái niệm:

Trong doanh nghiệp sản xuất nói chung thì “giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm dịch vụ đã hoàn thành”.

Sản phẩm xây lắp có thể là công trình, hạng mục công trình, một giai đoạn thi công xây lắp có thiết kế và tính dự toán riêng. Do đó, *giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí tính bằng tiền để hoàn thành khối lượng xây lắp theo quy định.*

❖ Phân loại giá thành sản phẩm trong xây lắp

➤ Phân loại theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính:

Căn cứ vào cơ sở dữ liệu và thời điểm tính giá thành thì giá thành được chia làm 3 loại:

- Giá thành dự toán (Z_{DT}):

Là tổng số các chi phí dự toán để hoàn thành được khối lượng xây lắp. Giá dự toán được xác định trên cơ sở xác định theo thiết kế được duyệt và khung giá được qui định đơn giá xây dựng cơ bản áp dụng từng vùng, lãnh thổ, từng địa phương do cấp có thẩm quyền ban hành.

$$Z_{DT} = \text{Giá trị dự toán} - \text{Lãi định mức}$$

Giá trị dự toán của công trình, hạng mục công trình là chi phí cho công tác xây dựng lắp ráp các cấu kiện, lắp đặt các máy móc thiết bị bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung và lợi nhuận định mức.

Lãi định mức là chỉ tiêu của Nhà nước quy định để tích lũy cho xã hội do ngành xây dựng tạo ra.

- Giá thành kế hoạch (Z_{KH}):

Là giá thành được xây dựng, được tính toán từ những điều kiện cụ thể của doanh nghiệp xây lắp trên cơ sở phân đấu hạ so với giá thành dự toán bằng biện pháp tăng cường quản lý kỹ thuật về biện pháp thi công, các định mức và các đơn giá áp dụng cho đơn vị xây lắp.

$$Z_{KH} = Z_{DT} - \text{Mức hạ giá thành dự toán}$$

Giá thành kế hoạch cho phép ta xem xét và thấy được chính xác những chi phí phát sinh trong từng giai đoạn cũng như hiệu quả của các biện pháp kỹ thuật là hạ giá thành dự toán.

Với những đơn vị không có giá thành dự toán thì giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế năm trước và gắn liền với sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo một danh mục thống nhất cho từng ngành sản xuất trên cơ sở định mức hao phí lao động vật chất và giá cả kế hoạch. Do vậy, bên cạnh giá thành kế hoạch mà trên cơ sở mức hiện hành cho từng giai đoạn của quá trình đó (tháng, quý, năm). Điều đó giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp kịp thời phát hiện sớm để phân đấu hạ giá thành của doanh nghiệp xây lắp.

- *Giá thành thực tế:*

Phản ánh toàn bộ chi phí thực tế để hoàn thành bàn giao khối lượng xây lắp mà doanh nghiệp đã nhận thầu. Giá này bao gồm cả chi phí tổn thất theo định mức như các khoản thiệt hại trong sản xuất, các khoản chi phí vượt định mức, lãng phí vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất và quản lý của doanh nghiệp, giá thành thực tế được xác định theo số liệu kế toán vào cuối thời kỳ kinh doanh.

Muốn đánh giá chất lượng hoạt động sản xuất thi công của công tác xây lắp đòi hỏi chúng ta phải so sánh các loại giá thành trên với nhau. So sánh các loại giá thành này phải đảm bảo sự thống nhất về thời điểm và dựa trên cùng đối tượng tính giá thành (từng công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao). Các doanh nghiệp xây lắp phải đảm bảo:

$$\text{Giá thành dự toán} \geq \text{Giá thành kế hoạch} \geq \text{Giá thành thực tế.}$$

➤ *Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí*

Theo phạm vi phát sinh chi phí, chỉ tiêu giá thành sản phẩm xây lắp được chia làm 2 loại:

- *Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng):*

Bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung tính cho công trình, hạng mục công trình hoặc lao vụ đã hoàn thành. Giá thành của sản phẩm xây lắp được sử dụng ghi sổ cho sản phẩm đã hoàn thành nhập kho hoặc giao cho khách hàng. Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp là căn cứ để tính giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp ở các doanh nghiệp xây lắp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành của} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí phát} & & \text{Chi phí dở} \\ \text{sản phẩm xây lắp} & = & \text{phẩm dở dang} & + & \text{sinh trong kỳ} & - & \text{dang cuối kỳ} \\ & & \text{đầu kỳ} & & & & \end{array}$$

- **Giá thành toàn bộ (giá thành tiêu thụ):**

Bao gồm giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp cộng thêm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho sản phẩm đó. Giá thành toàn bộ của sản phẩm xây lắp chỉ được xác định khi sản phẩm xây lắp được tiêu thụ. Giá thành toàn bộ của sản phẩm xây lắp là căn cứ để tính toán, xác định lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & & & \text{Chi phí quản lý} & & \text{Chi phí bán} \\ \text{toàn bộ của} & & \text{Giá thành của} & & \text{doanh nghiệp} & & \text{hàng phân bổ} \\ \text{sản phẩm tiêu} & = & \text{sản phẩm đã} & + & \text{phân bổ cho sản} & + & \text{cho sản phẩm} \\ \text{thụ} & & \text{tiêu thụ} & & \text{phẩm tiêu thụ} & & \text{tiêu thụ} \end{array}$$

- ❖ Ngoài ra trong xây dựng cơ bản còn sử dụng chỉ tiêu giá thành sau:

- **Giá đấu thầu xây lắp (giá thành dự thầu công tác xây lắp):** là một loại giá thành dự toán xây lắp do chủ đầu tư đưa ra để các doanh nghiệp căn cứ vào đó mà xây dựng giá thành của mình (còn gọi là giá dự thầu công tác xây lắp). Giá đấu thầu xây lắp do chủ thầu đưa ra về nguyên tắc chỉ bằng hoặc nhỏ hơn giá thành dự toán. Có như vậy mới tiết kiệm được vốn đầu tư.

- **Giá hợp đồng công tác xây lắp:** là loại giá thành dự toán xây lắp trong hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và đơn vị xây lắp sau khi thỏa thuận giao thầu, là giá thành của doanh nghiệp xây lắp thắng cuộc trong đấu thầu được chủ đầu tư thỏa thuận ký hợp đồng giao thầu. Về nguyên tắc, giá thành hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng giá đấu thầu trong công tác xây lắp.

1.1.3.3. **Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm**

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & & & & \text{Chi phí thực} & & \text{Chi phí thực} \\ \text{của khối lượng xây} & & \text{Chi phí thực} & & \text{tế dở dang} & + & \text{tế phát sinh} \\ \text{lắp hoàn thành bàn} & = & \text{tế dở dang} & + & \text{đầu kỳ} & + & \text{trong kỳ} \\ \text{giao} & & & & & & \text{Chi phí} \\ & & & & & & \text{thực tế dở} \\ & & & & & & \text{dang cuối} \\ & & & & & & \text{kỳ} \end{array}$$

Về bản chất, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp đều bao gồm các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong quá trình thi công xây lắp. Nếu đối tượng xây lắp được khởi công và hoàn thành trong cùng một kỳ thì giá thành sản phẩm xây lắp chính bằng tổng chi phí thực tế phát sinh trong kỳ.

Tuy nhiên, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp cũng có những điểm riêng biệt khác nhau:

- Về chất: Chi phí thể hiện hao phí sản xuất còn giá thành thể hiện kết quả sản xuất. Chi phí sản xuất phản ánh hao phí trong một thời kỳ nhất định, còn giá thành sản phẩm phản ánh những hao phí liên quan đến công việc hoàn thành được bàn giao nghiệm thu.

- Về lượng: giá thành sản phẩm không bao gồm chi phí sản xuất dở sang cuối kỳ, các khoản chi phí đã chi ra nhưng chờ phân bổ kỳ sau, chi phí không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên lại gồm chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ, chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước trong kỳ và chi phí sản xuất trong kỳ trước được phân bổ cho kỳ sau.

Mặc dù có sự khác nhau nhưng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm lại có mối quan hệ mật thiết với nhau. Tài liệu để hạch toán chi phí sản xuất là cơ sở để tính giá thành sản phẩm. Việc tổng hợp chi phí sản xuất sẽ quyết định đến tính chính xác của việc tính giá thành. Ngược lại, căn cứ vào việc tính giá thành sẽ xác định được tình hình chi phí sản xuất trong kỳ là tiết kiệm hay lãng phí.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ sau:

- Xác định cho đúng đối tượng hạch toán chi phí, lựa chọn phương pháp tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất một cách khoa học, hợp lý phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây lắp.
- Tổ chức hạch toán chi phí một cách trung thực, kịp thời thông tin qua hệ thống chứng từ gốc và sổ kế toán chi phí sản xuất.
- Xác định đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành phù hợp.
- Đánh giá chính xác giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ, các khoản phát sinh làm giảm chi phí sản xuất.
- Tính giá thành và lập thẻ tính giá thành, so sánh giá thành thực tế với giá thành kế hoạch từ đó rút ra ý kiến đóng góp cho các nhà quản lý.

1.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

1.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

❖ Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Là phạm vi, giới hạn để tập hợp chi phí. Xác định đối tượng tập hợp chi phí là xác định nơi phát sinh chi phí và đối tượng chịu chi phí.

Để xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp cần dựa vào các căn cứ sau:

- Căn cứ vào mục đích sử dụng chi phí.
- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, tính chất sản xuất, loại hình sản xuất sản phẩm.
- Căn cứ vào đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất.
- Căn cứ vào yêu cầu và trình độ quản lý.

Nhìn chung đối tượng kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp có thể là công trình, hạng mục công trình, các giai đoạn quy ước của hạng mục công trình có giá trị dự toán riêng hay nhóm công trình, các đơn vị thi công (xí nghiệp, đội thi công xây lắp).

❖ Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Trong doanh nghiệp xây lắp do tổ chức sản xuất đơn chiếc nên đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình xây lắp, các giai đoạn quy ước của hạng mục công trình có giá trị dự toán riêng hoàn thành.

Để xác định đối tượng tính giá thành phải căn cứ vào:

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, loại hình sản xuất, tính chất của từng loại sản phẩm cụ thể của doanh nghiệp.
- Căn cứ vào quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.
- Căn cứ vào yêu cầu và trình độ của cán bộ kế toán.

❖ Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành sản phẩm có những điểm giống và khác nhau. Chúng đều là phạm vi giới hạn để tập hợp chi phí và cùng phục vụ công tác quản lý, phân tích kiểm tra chi phí giá thành. Tuy nhiên, xác định đối tượng tập hợp chi phí là xác định phạm vi phát sinh chi phí, còn xác định đối tượng tính giá thành là xác định chi phí có liên quan đến kết quả quá trình sản xuất. Hay, đối tượng tập hợp chi phí là tiền đề, là cơ sở, căn cứ để tính giá thành.

1.2.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh là phương pháp thể hiện cách thức tập hợp, phân loại chi phí sản xuất kinh doanh trong một kỳ sản xuất kinh doanh theo các đối tượng đã được xác định trước.

Thông thường kế toán tập hợp chi phí theo hai cách sau:

- *Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp:*

Phương pháp này áp dụng đối với các chi phí có thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng tập hợp chi phí. Đây là phương pháp tập hợp chi phí chính xác nhất, đồng thời lại theo dõi trực tiếp chi phí liên quan tới đối tượng cần theo dõi. Nó có ý nghĩa rất to lớn đối với kế toán quản trị của doanh nghiệp. Tuy nhiên không phải bao giờ cũng sử dụng được phương pháp này. Trên thực tế có rất nhiều chi phí liên quan tới các đối tượng và không thể theo dõi riêng được. Tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp trực tiếp tốn rất nhiều thời gian và công sức nhưng bù lại rất chính xác và hiệu quả.

- *Phương pháp tập hợp chi phí gián tiếp:*

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán chi phí, không tổ chức ghi chép ban đầu riêng cho từng đối tượng. Trong trường hợp đó, phải tập hợp chung cho nhiều đối tượng. Sau đó, lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ thích hợp để phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng kế toán chi phí. Việc phân bổ được tiến hành theo trình tự:

- Xác định hệ số phân bổ (H) $H = \frac{C}{T}$

- Xác định mức chi phí phân bổ cho từng đối tượng:

$$C_i = T_i \times H$$

Trong đó: H: là hệ số phân bổ

C: là tổng chi phí cần phân bổ

T: là tổng tiêu chuẩn dùng để phân bổ

C_i : là chi phí phân bổ cho từng đối tượng i

T_i : là tiêu chuẩn phân bổ cho từng đối tượng i

Việc lựa chọn tiêu chuẩn dùng để phân bổ gián tiếp sao cho phải phù hợp, chính xác tùy từng đối tượng. Độ tin cậy của thông tin về chi phí phụ thuộc vào tính hợp lý của tiêu chuẩn phân bổ được lựa chọn.

1.2.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp là các công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình dở dang chưa hoàn thành hay khối lượng công tác xây lắp trong kỳ chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán. Đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán, xác định phần chi phí sản xuất trong kỳ cho khối lượng sản phẩm dở cuối kỳ theo nguyên tắc nhất định. Nếu trong hợp đồng ký kết quy định các đơn vị xây lắp bàn giao thanh toán công trình khi hoàn thành (thường đối với các công trình có giá trị nhỏ) thì toàn bộ chi phí tập hợp được đến thời điểm báo cáo là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Nếu trong trường hợp, hợp đồng quy định bàn giao thanh toán theo từng giai đoạn hoàn thành (hay điểm dừng kỹ thuật) thì những giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành bàn giao là sản phẩm dở dang. Thông thường các doanh nghiệp xây dựng thường áp dụng một số biện pháp đánh giá sản phẩm dở dang như sau :

❖ **Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí dự toán :**

$$\begin{array}{c} \text{CP thực tế} \\ \text{của khối} \\ \text{lượng xây} \\ \text{lắp DDCK} \end{array} = \frac{\begin{array}{c} \text{CP thực tế của} \\ \text{khối lượng xây} \\ \text{lắp DDĐK} \end{array} + \begin{array}{c} \text{CP thực tế của} \\ \text{khối lượng xây} \\ \text{lắp thực hiện} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{CP của khối} \\ \text{lượng xây lắp} \\ \text{hoàn thành bàn} \\ \text{giao trong kỳ} \\ \text{theo dự toán} \end{array} + \begin{array}{c} \text{CP của khối} \\ \text{lượng xây lắp} \\ \text{DDCK theo dự} \\ \text{toán} \end{array}} \times \begin{array}{c} \text{CP của khối} \\ \text{lượng xây lắp} \\ \text{DDCK theo dự} \\ \text{toán} \end{array}$$

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành trùng nhau.

❖ **Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo tỷ lệ hoàn thành tương đương :**

$$\begin{array}{c} \text{CP thực tế} \\ \text{của khối} \\ \text{lượng xây} \\ \text{lắp DDCK} \end{array} = \frac{\begin{array}{c} \text{CP thực tế của} \\ \text{khối lượng xây} \\ \text{lắp DDĐK} \end{array} + \begin{array}{c} \text{CP thực tế của} \\ \text{khối lượng xây} \\ \text{lắp thực hiện} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{CP của khối} \\ \text{lượng xây lắp} \\ \text{hoàn thành bàn} \\ \text{giao trong kỳ} \\ \text{theo dự toán} \end{array} + \begin{array}{c} \text{CP của khối} \\ \text{lượng xây lắp} \\ \text{DDCK đã tính} \\ \text{đổi theo sản} \\ \text{lượng hoàn} \\ \text{thành tương} \\ \text{đương} \end{array}} \times \begin{array}{c} \text{CP của khối} \\ \text{lượng xây lắp} \\ \text{DDCK đã tính} \\ \text{đổi theo sản} \\ \text{lượng hoàn} \\ \text{thành tương} \\ \text{đương} \end{array}$$

Phương pháp này chủ yếu áp dụng đối với việc đánh giá sản phẩm làm dở dang công tác lắp đặt.

❖ **Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo giá trị dự toán :**

$$\begin{array}{l}
 \text{CP thực tế} \\
 \text{của khối} \\
 \text{lượng xây} \\
 \text{lắp DDCK}
 \end{array}
 = \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{CP thực tế của} \\
 \text{khối lượng xây} \\
 \text{lắp DDCK}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{CP thực tế của} \\
 \text{khối lượng xây} \\
 \text{lắp thực hiện} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị của khối} \\
 \text{lượng xây lắp} \\
 \text{hoàn thành bàn} \\
 \text{giao trong kỳ} \\
 \text{theo dự toán}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị của khối} \\
 \text{lượng xây lắp dở} \\
 \text{dang cuối kỳ} \\
 \text{theo dự toán}
 \end{array}
 }
 \times
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị của khối} \\
 \text{lượng xây lắp} \\
 \text{dở dang cuối kỳ} \\
 \text{theo dự toán}
 \end{array}$$

Trong đó giá thành sản xuất thực tế từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao được tính theo số liệu chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh của công trình, hạng mục công trình đó

1.2.4. Phương pháp tính giá thành

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu về chi phí sản xuất để tính toán ra tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế của sản phẩm hoặc lao vụ đã hoàn thành theo các yếu tố hoặc khoản mục giá thành trong kỳ tính giá thành đã được xác định.

Trong doanh nghiệp xây lắp thông thường có các phương pháp tính giá thành sau :

❖ **Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng**

Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu các công trình theo đơn đặt hàng, khi đó đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là từng đơn đặt hàng đã hoàn thành. Chu kỳ sản xuất của mỗi đơn đặt hàng thường dài, kỳ tính giá thành phù hợp với chu kỳ sản xuất, chỉ khi nào đơn đặt hàng hoàn thành thì mới tính giá thành. Kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ báo cáo.

Theo phương pháp này, kế toán giá thành mở cho mỗi đơn đặt hàng một bảng tính giá thành. Hàng tháng căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh được tập hợp lại theo từng đơn đặt hàng và khi nào hoàn thành công trình thì chi phí sản

xuất tập hợp được cũng chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó. Trong trường hợp nếu đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp được đến thời điểm đó của từng đơn đặt hàng sẽ là chi phí của khối lượng xây lắp dở dang.

❖ *Phương pháp tính giá thành theo định mức*

Giá thành định mức là giá định mức của các chi tiết cấu thành nên sản phẩm xây lắp và giá thành sản phẩm của từng giai đoạn của từng công trình, hạng mục công trình.

Theo phương pháp này, giá thành được xác định:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành} & & & & \\ \text{thực tế của} & & \text{định mức của} & + & \text{Chênh lệch do} & + & \text{Chênh lệch do} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{sản phẩm xây} & (-) & \text{thay đổi định} & (-) & \text{thoát ly định} \\ \text{xây lắp} & & \text{lắp} & & \text{mức} & & \text{mức} \end{array}$$

Trong đó:

$$\text{Chênh lệch do thay đổi định mức} = \text{Định mức cũ} - \text{Định mức mới}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Chênh lệch do} & = & \text{Chi phí thực tế (theo} \\ \text{thoát ly định mức} & & \text{từng khoản mục)} - \text{Chi phí định mức (theo} \\ & & & & \text{từng khoản mục)} \end{array}$$

Áp dụng phương pháp này có tác dụng trong việc kiểm tra tình hình thực hiện định mức dự toán chi phí sản xuất, tình hình sử dụng hợp lý tiết kiệm, hiệu quả hay lãng phí sản xuất ngay cả khi chưa có sản phẩm hoàn thành, giảm bớt khối lượng tính toán của kế toán nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp.

❖ *Phương pháp tổng cộng chi phí*

Đối với các công trình, hạng mục công trình phải trải qua nhiều giai đoạn thi công thì giá thành thực tế của từng công trình, hạng mục công trình được tính như sau:

$$Z = Ddk + C_1 + C_2 + \dots + C_n - Dck$$

Trong đó:

Z: Giá thành thực tế của toàn bộ công trình, hạng mục công trình

C₁, C₂, C_n: Chi phí xây dựng công trình ở từng giai đoạn

Ddk: Chi phí thực tế sản phẩm dở dang đầu kỳ

Dck: Chi phí thực tế sản phẩm dở dang cuối kỳ

Phương pháp này cho phép cung cấp kịp thời số liệu giá thành trong mỗi kỳ báo cáo.

❖ *Phương pháp tính giá thành trực tiếp (giản đơn):*

Đây là phương pháp tính giá thành phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp. Vì hiện nay sản xuất sản phẩm xây lắp mang tính đơn chiếc cho nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường phù hợp với đối tượng tính giá thành. Việc áp dụng phương pháp này cho phép cung cấp kịp thời số liệu giá thành cho mỗi kỳ báo cáo, cách tính toán thực hiện đơn giản dễ dàng.

Theo phương pháp này, toàn bộ chi phí phát sinh được tập hợp cho công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình.

Trong trường hợp công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành toàn bộ mà có khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao thì:

$$Z = Dđk + C - Dck$$

Trong đó:

Z : Giá thành của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao

Dđk: Chi phí dở dang đầu kỳ

C : Chi phí phát sinh trong kỳ

Dck: Chi phí dở dang cuối kỳ

Nếu các công trình, hạng mục công trình có thiết kế khác nhau nhưng cùng thi công trên một địa điểm do một đội công trình sản xuất đảm nhiệm và không có điều kiện theo dõi, quản lý riêng việc sử dụng các chi phí khác nhau cho từng công trình, hạng mục công trình thì chi phí sản xuất đã tập hợp được trên toàn bộ công trình, hạng mục công trình đều phải được phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình. Khi đó, giá thành thực tế của từng công trình, hạng mục công trình là:

$$Z = Gdt_i \times H$$

Trong đó:

Gdt_i : Giá trị dự toán của công trình thứ i

H : Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế

$$H = \frac{\sum C}{\sum Gdt} \times 100\%$$

$\sum C$: Tổng chi phí thực tế của các công trình, hạng mục công trình

$\sum Gdt$: Tổng dự toán của tất cả các công trình

1.3. Nội dung công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp vừa và nhỏ.

1.3.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm chi phí sản xuất một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất.

Trong doanh nghiệp xây lắp vừa và nhỏ, kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh : chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung , chi phí máy thi công vào tài khoản 154 “ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến một đối tượng chịu chi phí thì được tập hợp trực tiếp cho đối tượng đó. Các chi phí liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến nhiều đối tượng chịu chi phí mà không tách riêng được thì phải phân bổ cho các đối tượng liên quan theo tiêu thức thích hợp.

1.3.1.1.Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xây lắp là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu thực tế sử dụng trong quá trình sản xuất xây lắp như nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, vật liệu khác cho từng công trình, hạng mục công trình.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì tổ chức tổng hợp theo phương pháp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó theo giá trị thực tế. Đối với các vật liệu liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí (nhiều công trình, hạng mục công trình) phải phân bổ cho từng đối tượng theo tiêu chuẩn hợp lý như số lần sử dụng, định mức chi phí, khối lượng xây lắp hoàn thành.

❖ Tài khoản sử dụng:

Để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Tài khoản này được mở để theo dõi cho chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung và mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí theo yêu cầu của nhà quản lý.

❖ Chứng từ sử dụng: phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT...

❖ Kết cấu và nội dung của tài khoản 154:

- Bên Nợ:

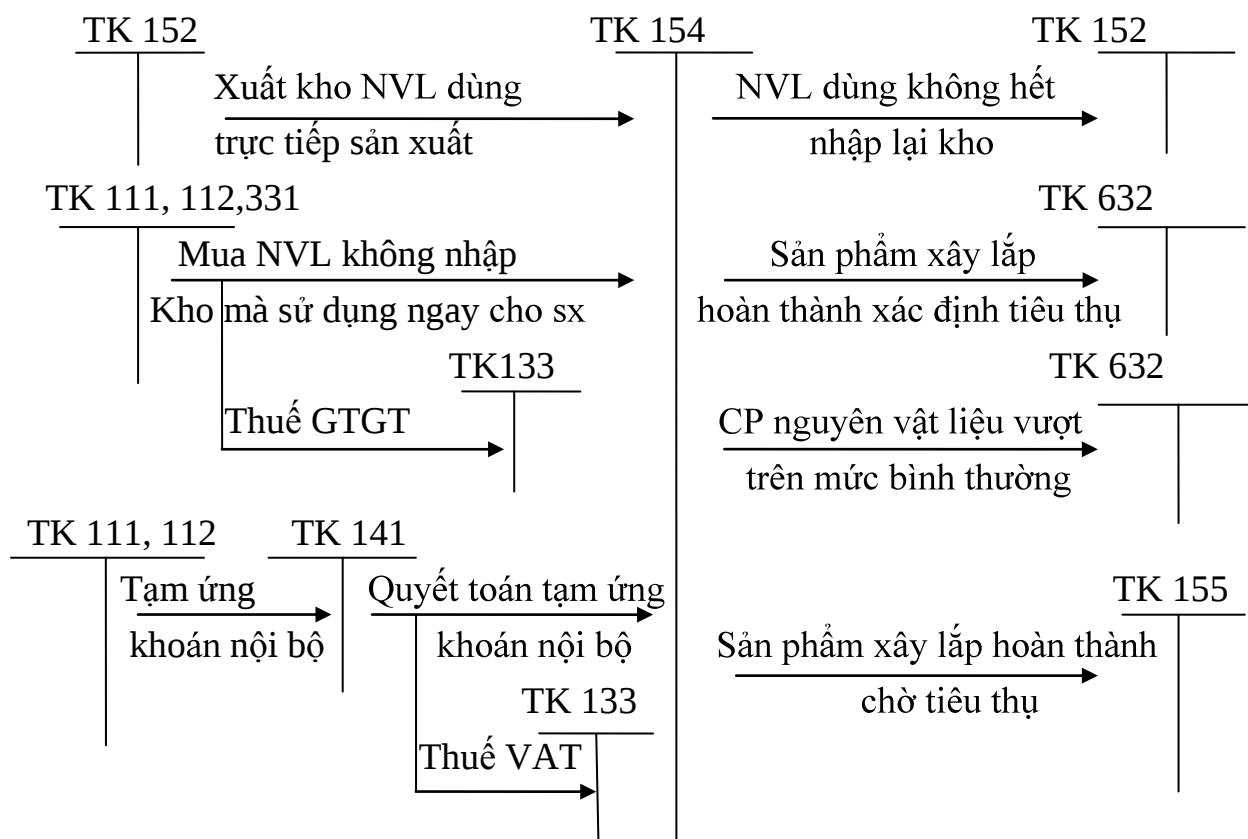
- + Phản ánh giá trị thực tế nguyên liệu, vật liệu xuất dùng trực tiếp thi công công trình, hạng mục công trình trong kỳ.
- + Phản ánh các khoản phải trả công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng xây lắp.
- + Phản ánh các chi phí liên quan đến máy thi công
- + Phản ánh các chi phí liên quan đến sản xuất chung trong kỳ.

- Bên Có:

- + Phản ánh giá trị nguyên vật liệu dùng không hết nhập kho.
- + Kết chuyển CP nguyên vật liệu, CP nhân công trực tiếp, CP sản xuất chung, CP máy thi công sang tài khoản 632.
- + Kết chuyển CP nguyên vật liệu, CP nhân công trực tiếp vượt trên định mức vào tài khoản 632.

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.1: Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu chủ yếu



1.3.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp trong các đơn vị xây lắp bao gồm thù lao phải trả cho công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng sản phẩm xây lắp như tiền lương chính, tiền lương phụ, chi phí nhân công trực tiếp ở các đơn vị xây lắp

khác với doanh nghiệp sản xuất khác là không bao gồm các khoản trích theo tiền lương như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân trực tiếp xây lắp.

Chi phí nhân công trực tiếp thường được tính trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí liên quan. Nếu chi phí nhân công trực tiếp có liên quan đến nhiều đối tượng tính giá thành mà không tập hợp riêng được thì có thể tập hợp chung sau đó chọn tiêu thức thích hợp để phân bổ cho các đối tượng chi phí liên quan.

➤ *Cách tính lương trong doanh nghiệp xây lắp:*

Trong doanh nghiệp xây lắp có hai cách tính lương chủ yếu là tính lương theo công việc giao khoán và tính lương theo thời gian.

Nếu tính lương theo công việc giao khoán thì chứng từ ban đầu là “hợp đồng khoán”, trên hợp đồng khoán thể hiện công việc khoán có thể là từng phần công việc, nhóm công việc, có thể là hạng mục công trình, thời gian thực hiện hợp đồng, đơn giá từng phần việc, chất lượng công việc giao khoán. Tùy theo khối lượng công việc giao khoán hoàn thành, số phải trả được tính như sau:

$$\text{Tiền lương phải trả} = \frac{\text{Khối lượng công việc hoàn thành}}{\text{Đơn giá khối lượng công việc}} \times$$

Nếu tính theo thời gian thì căn cứ để hạch toán là “Bảng chấm công” và phiếu làm thêm giờ... Căn cứ vào tình hình thực tế, người có trách nhiệm sẽ tiến hành theo dõi và chấm công hàng ngày cho công nhân trực tiếp trên bảng chấm công. Cuối tháng người chấm công, người phụ trách bộ phận sẽ ký vào bảng chấm công và phiếu làm thêm giờ sau đó chuyển đến phòng kế toán. Các chứng từ này sẽ được kiểm tra, làm căn cứ hạch toán chi phí tiền lương. Theo cách tính này, mức lương phải trả trong tháng được tính như sau:

$$\frac{\text{Tiền lương phải trả trong tháng}}{\text{Mức lương một ngày công}} = \frac{\text{Số ngày làm việc trong tháng}}{\text{Mức lương một ngày công}} \times$$

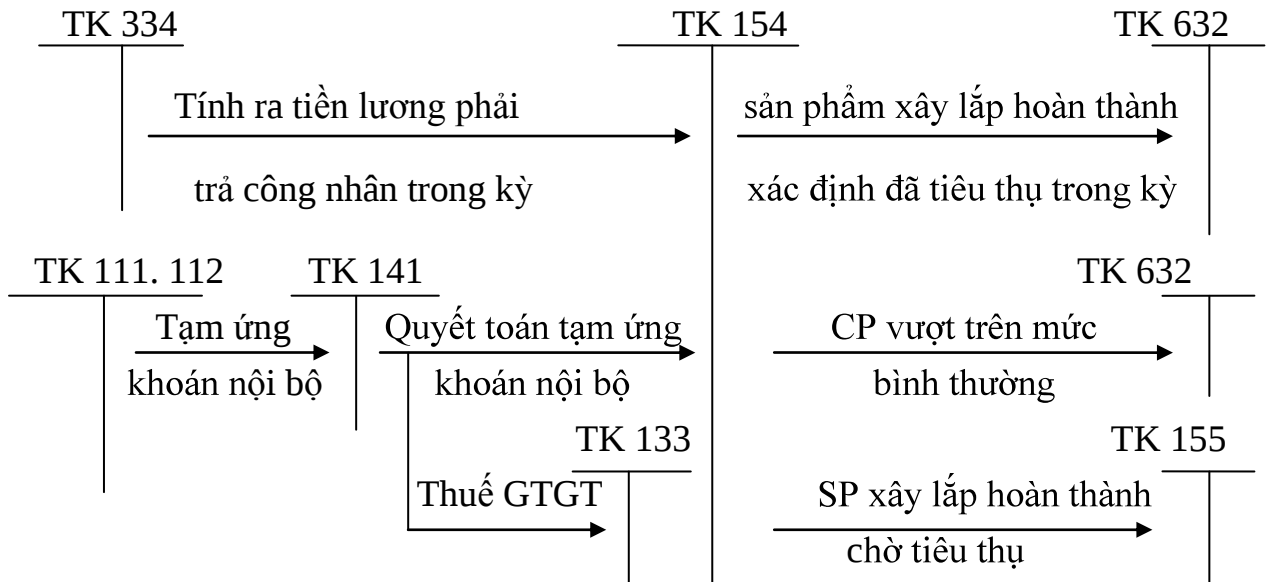
❖ **Tài khoản sử dụng:**

Cũng như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Tài khoản này được mở để theo dõi cho chi phí nhân công trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung và mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí theo yêu cầu của nhà quản lý.

❖ Chứng từ sử dụng: Bảng chấm công, bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương...

- ❖ Kết cấu và nội dung tài khoản 154 (đã trình bày ở phần kế toán NVLTT).
- ❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.2. Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp



1.3.1.3. Chi phí sử dụng máy thi công

Máy thi công là các loại xe, máy móc (máy ủi, máy xúc...) được sử dụng trực tiếp để thi công xây lắp các công trình. Máy thi công có thể do doanh nghiệp tự trang bị để sử dụng lâu dài hoặc do doanh nghiệp đi thuê từ bên ngoài để phục vụ công tác thi công cho kịp tiến độ công tác thi công.

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các chi phí về vật liệu, nhân công và các chi phí khác có liên quan đến sử dụng máy thi công. Nếu máy thi công phục vụ cho nhiều công trình, hạng mục công trình, ngay từ đầu không thể hạch toán riêng được thì được tập hợp chung sau đó phân bổ theo tiêu thức hợp lý (số giờ máy hoạt động, lương của công nhân trực tiếp sản xuất...).

- ❖ Tài khoản sử dụng:

Để tập hợp chi phí máy thi công kế toán cũng sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Tài khoản này được mở theo dõi cho chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung và mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí theo yêu cầu của nhà quản lý.

❖ Chứng từ sử dụng: hợp đồng thuê máy, hóa đơn GTGT, Bảng trích KH TSCĐ...

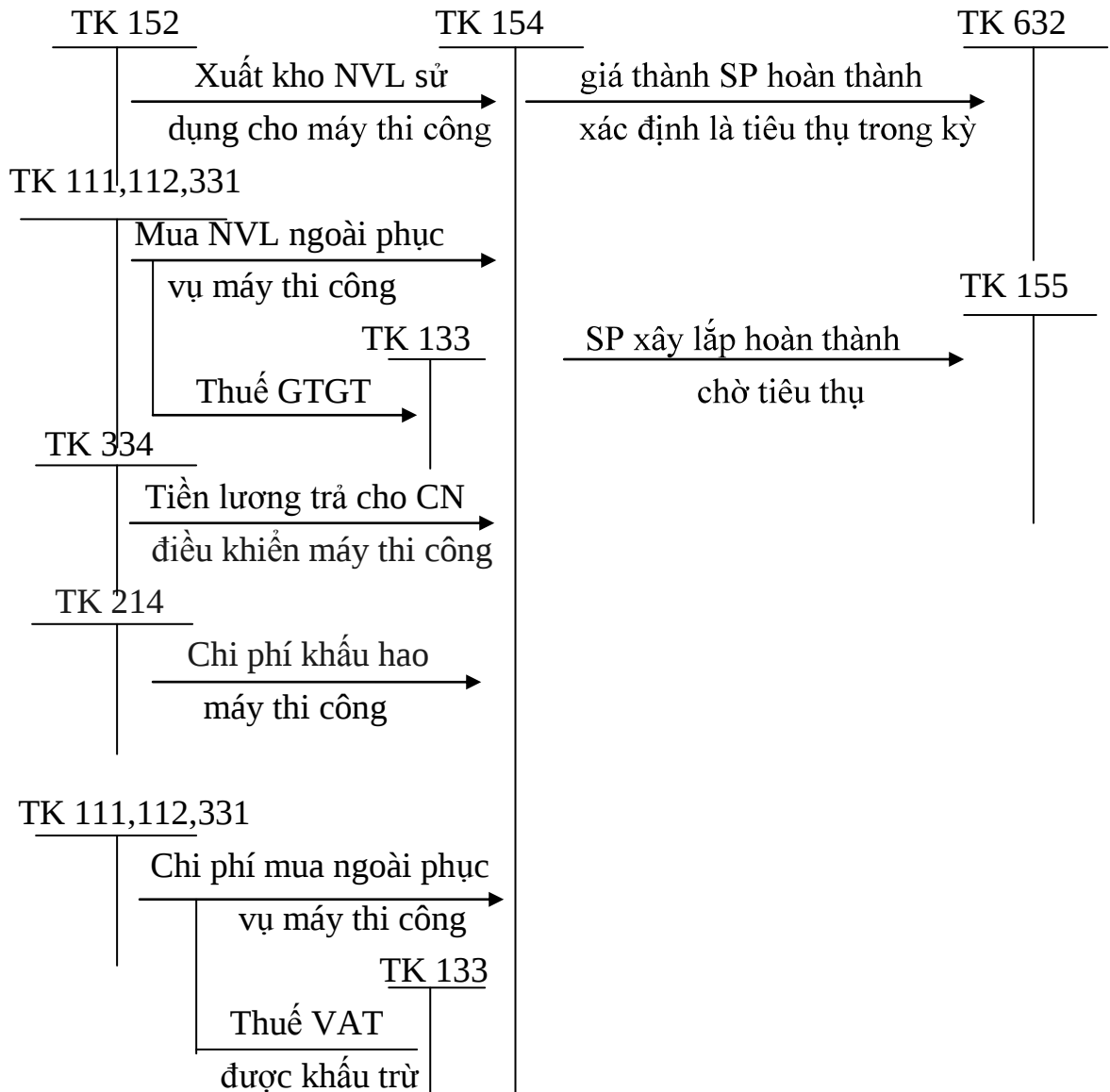
- ❖ Kết cấu và nội dung tài khoản 154(đã trình bày ở phần kế toán NVLTT).

❖ Trình tự hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:

Đối với mỗi hình thức sử dụng máy thi công, kế toán có cách hạch toán phù hợp:

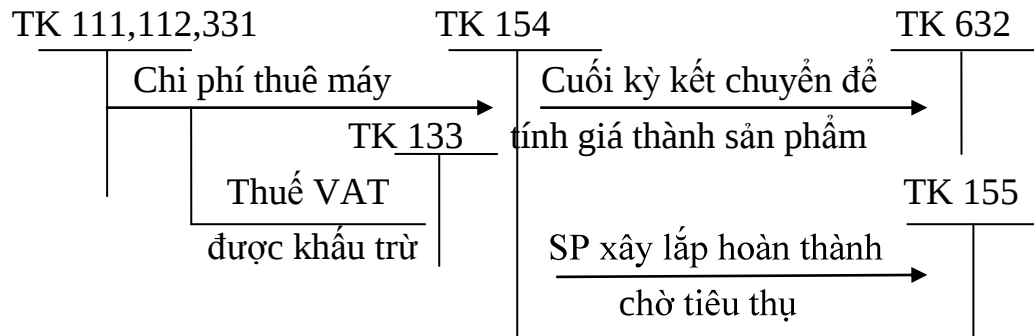
➤ Trường hợp doanh nghiệp có đội máy thi công riêng.

Sơ đồ 1.3: Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công trường hợp đơn vị có đội máy thi công riêng.



+ Trường hợp doanh nghiệp thuê máy thi công theo kiểu trọn gói.

Sơ đồ 1.5: Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công trong trường hợp đơn vị thuê máy thi công theo kiểu trọn gói.



1.3.1.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức, phục vụ và quản lý thi công của các đội xây lắp ở các công trường xây lắp bao gồm: tiền lương nhân viên quản lý đội xây lắp, khoản trích BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ được tính theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp và nhân viên quản lý đội, khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan đến hoạt động của đội.

Các khoản chi phí sản xuất chung thường được tập hợp theo từng địa điểm phát sinh chi phí (tổ, đội...). Cuối kỳ kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho các công trình liên quan theo tiêu thức phù hợp như: tiền lương công nhân sản xuất, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp...

❖ Tài khoản sử dụng:

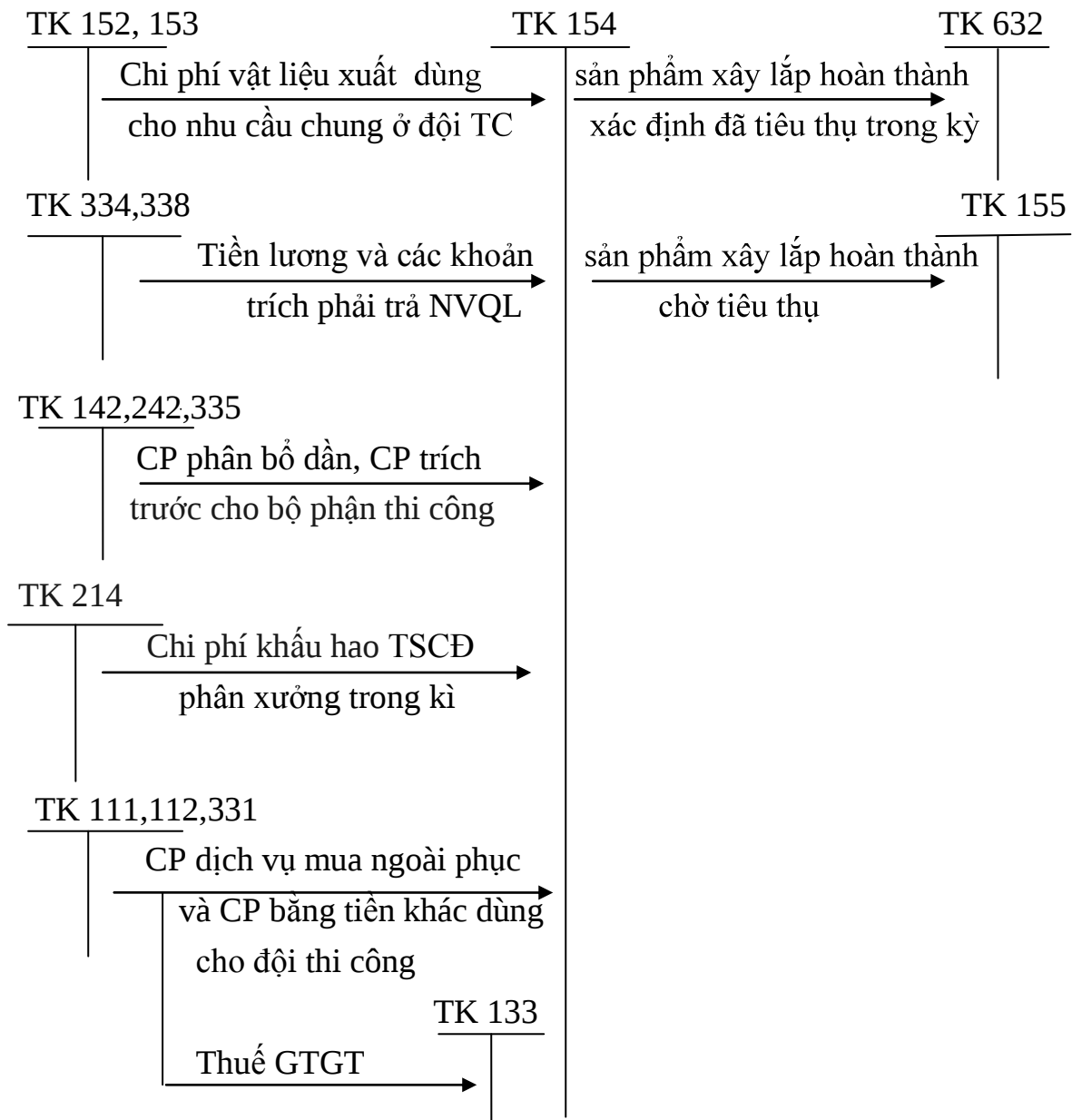
Để tập hợp chi phí sản xuất chung kế toán sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Tài khoản này được mở để theo dõi cho chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung và mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí theo yêu cầu của nhà quản lý.

❖ Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT, Bảng tính lương và các khoản trích theo lương cho nhân viên quản lý đội...

❖ Kết cấu và nội dung tài khoản 154: (đã trình bày ở phần kế toán NVLTT).

❖ Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất chung:

Sơ đồ 1.4: Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung



1.3.1.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm

Sau khi tiến hành tập hợp, phân bổ các chi phí sản xuất trong kỳ, đến cuối kỳ kế toán sẽ làm công việc tập hợp các chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm. Giá thành công trình, hạng mục công trình là toàn bộ các chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung phát sinh của công trình, hạng mục công trình.

- ❖ Tài khoản sử dụng: kế toán sử dụng tài khoản 154 “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.
- ❖ Chứng từ sử dụng: bảng tính giá thành, bảng tổng hợp chi phí xây lắp...

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 154:

- Bên Nợ:

Tập hợp các chi phí sản xuất trong kỳ (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung).

- Bên Có:

+ Phản ánh giá trị nguyên vật liệu dùng không hết nhập kho.

+ Kết chuyển CP nguyên vật liệu, CP nhân công trực tiếp vượt trên định mức vào tài khoản 632.

+ Kết chuyển chi phí sản xuất công trình.

❖ Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm:

- Công trình hoàn thành chờ bán:

Nợ TK 155:

Có TK 154:

- Công trình hoàn thành bàn giao:

Nợ TK 632:

Có TK 154

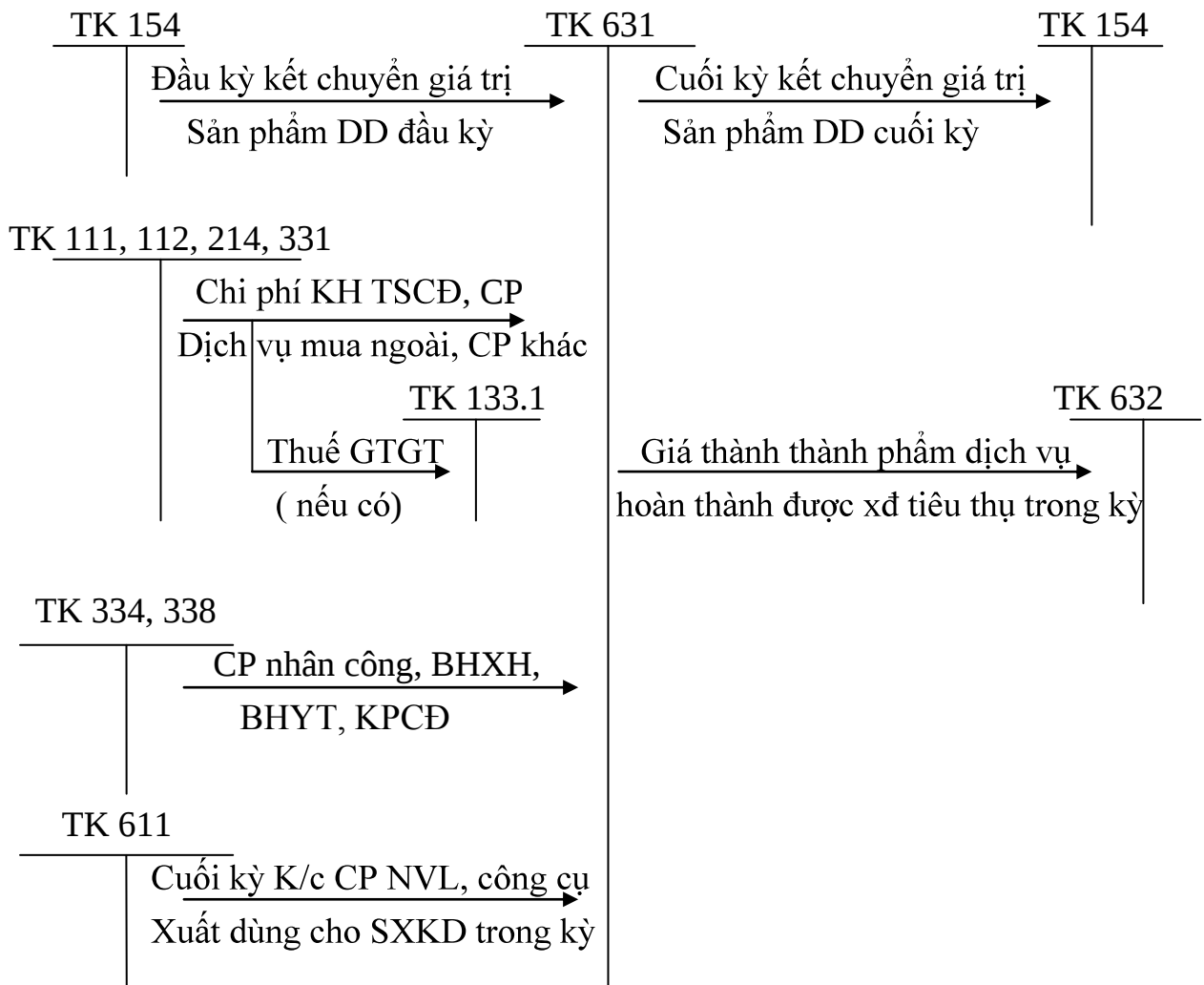
1.3.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn khi theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Theo phương pháp này, cuối kỳ các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung được tập hợp vào TK 631 “Giá thành sản phẩm” từ đó tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm hoàn thành, còn TK 154 chỉ dùng phản ánh chi phí sản xuất của những sản phẩm, công việc, lao vụ còn đang sản xuất dở dang cuối kỳ.

Đối với doanh nghiệp sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ thì cuối kỳ phải tiến hành kiểm kê, đánh giá, xác định vật tư, hàng tồn kho cuối kỳ để xác định giá trị NVL, hàng dùng trong kỳ. Khi đó các tài khoản hàng hóa tồn kho (TK 152, 153, 154...) chỉ phản ánh giá trị vật liệu, sản phẩm tồn kho cuối kỳ và đầu kỳ.

Trên các tài khoản này không phản ánh trực tiếp các nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu... Các nghiệp vụ mua hàng hóa vật liệu trong kỳ phản ánh trên tài khoản 611 “Mua hàng”.

Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.3.3. Hạch toán các khoản thiệt hại trong doanh nghiệp xây lắp.

1.3.3.1. Thiệt hại do sản xuất sản phẩm hỏng

❖ Nguyên nhân sản xuất sản phẩm hỏng:

- Do thiên tai, hỏa hoạn.
- Do lỗi của bên giao thầu (bên A) như sửa đổi thiết kế hay thay đổi một bộ phận thiết kế của công trình.
- Do bên thi công (bên B) gây ra như do tổ chức sản xuất không hợp lý, chỉ đạo thi công không chặt chẽ, sai phạm kỹ thuật của công nhân.
- Do các nguyên nhân khác từ bên ngoài.

❖ Sản phẩm hỏng:

Sản phẩm hỏng được chia làm 2 loại:

- Sản phẩm hỏng sửa chữa được : là những sản phẩm hỏng về mặt kỹ thuật có thể sửa chữa được và việc sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

- Sản phẩm hỏng không sửa chữa được : là những sản phẩm hỏng về mặt kỹ thuật không thể sửa chữa được hoặc sửa chữa được nhưng không có lợi ích về mặt kinh tế.

Khi có thiệt hại về sản phẩm hỏng thì phải xác định được thiệt hại ban đầu và giá trị các khoản thu về sản phẩm hỏng.

Thiệt hại thực tế về sản phẩm hỏng = Thiệt hại ban đầu – Các khoản thu hồi

Đối với sản phẩm hỏng sửa chữa được thì thiệt hại ban đầu là tổng chi phí để sửa chữa sản phẩm hỏng. Còn đối với sản phẩm hỏng không sửa chữa được thì thiệt hại ban đầu là giá thành sản phẩm hỏng.

Các khoản thu hồi từ sản phẩm hỏng bao gồm : giá trị phế liệu thu hồi, tiền bồi thường của người làm hỏng.

** Phương pháp hạch toán sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được:*

1. Hạch toán giá trị sản phẩm hỏng:

Nợ TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được

Có TK 154: Giá trị sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được

2. Xử lý thiệt hại:

Nợ TK 1388: số phải thu về các khoản bồi thường.

Nợ TK 152: Giá trị phế liệu, vật liệu thu hồi nếu có.

Nợ TK 334: khoản bồi thường do lỗi người lao động trừ vào lương.

Nợ TK 811: khoản thiệt hại sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được tính vào chi phí khác.

Có TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được.

** Phương pháp hạch toán sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được:*

Để hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất kế toán sử dụng các tài khoản như quá trình sản xuất sản phẩm: 138, 154

1. Hạch toán giá trị sản phẩm hỏng

Nợ TK 1381:

Có TK 154:

2. Các chi phí phát sinh cho quá trình sửa chữa sản phẩm hỏng

Nợ TK 154 (chi tiết sản phẩm hỏng): Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Có TK 152:

Nợ TK 154 (chi tiết sản phẩm hỏng): Chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 334:

Nợ TK 154 : Chi phí sử dụng máy thi công

Có TK 152, 334, 214, 111....

Nợ TK 154: Chi phí sản xuất chung

Có TK 152, 334, 214, 111....

3. Khi sửa chữa xong kết chuyển chi phí sửa chữa vào tài khoản 138

Nợ TK 138: (chi tiết sửa chữa sản phẩm hỏng)

Có TK 154:

4. Cuối kỳ xử lý thiệt hại

a. Đối với sản phẩm hỏng trong định mức cho phép

Nợ TK 152, 111, 112: phần phế liệu thu hồi

Nợ TK 154 (chi tiết SXC): phần được tính vào giá thành sản phẩm

Có TK 1381: (chi tiết sản phẩm hỏng)

b. Đối với sản phẩm hỏng ngoài định mức cho phép

Nợ TK 152, 111, 112 : phần phế liệu thu hồi

Nợ TK 811: phần được tính vào chi phí khác

Nợ TK 138 (1388): phần bồi thường phải thu

Nợ TK 334: phần được tính trừ vào lương công nhân viên

Có TK 1381: (chi tiết sản phẩm hỏng)

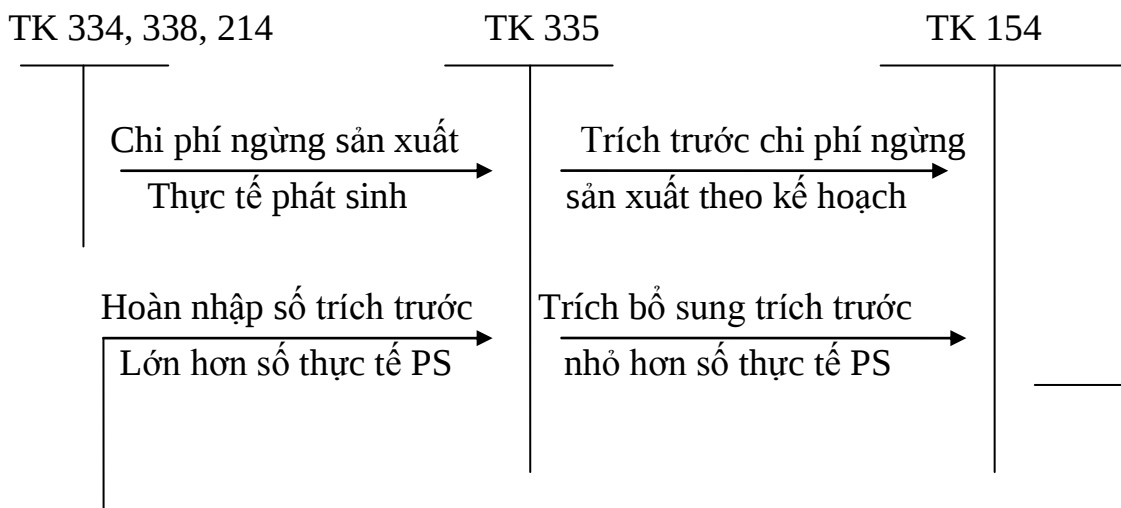
1.3.3.2.Thiệt hại ngừng sản xuất

Ngừng sản xuất là hiện tượng do các nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan (thiên tai, thiếu nguyên vật liệu...) làm quá trình sản xuất bị gián đoạn. Trong thời gian đó, doanh nghiệp vẫn phải bỏ ra các chi phí: tiền công của người lao động, khấu hao TSCĐ, phí phí bảo dưỡng... Những chi phí này gọi là thiệt hại về ngừng sản xuất.

❖ *Đối với ngừng sản xuất có kế hoạch :*

Khi kế hoạch tiến hành ngừng sản xuất đã được phê duyệt thì doanh nghiệp phải lập dự toán chi phí ngừng sản xuất và tiến hành trích trước những kỳ có tiến hành sản xuất kinh doanh.

Sơ đồ 1.6. Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất trong kế hoạch

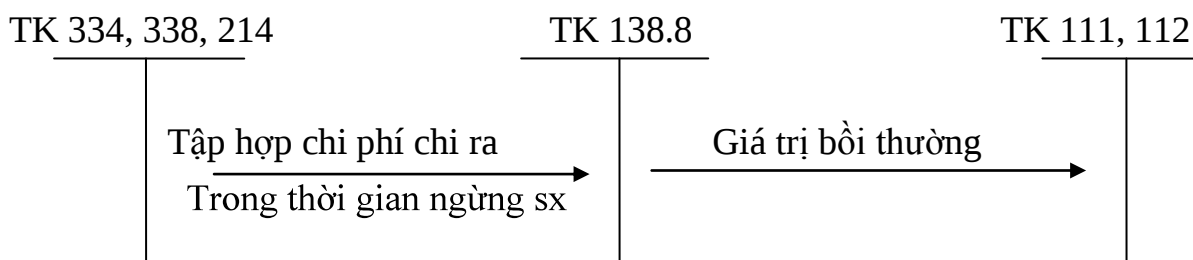


❖ Đối với ngừng sản xuất ngoài kế hoạch:

Khi có ngừng sản xuất ngoài kế hoạch, chi phí phát sinh được kế toán tập hợp vào TK 142, 242, 138...

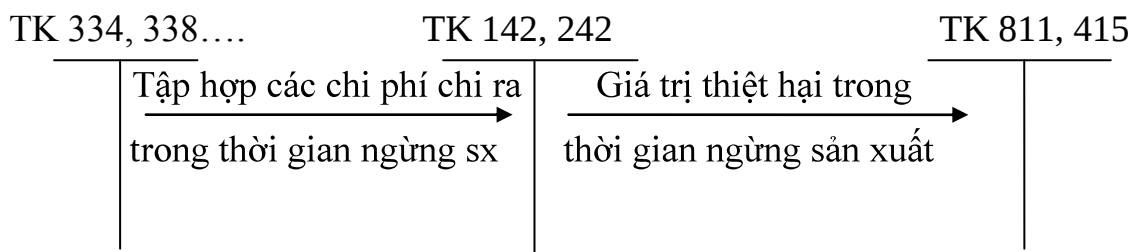
- Trường hợp doanh nghiệp bắt bồi thường:

Sơ đồ 1.7. Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch trường hợp doanh nghiệp bắt bồi thường.



- Trường hợp doanh nghiệp phân bổ vào chi phí :

Sơ đồ 1.8 : Hạch toán thiệt hại ngoài kế hoạch trong trường hợp doanh nghiệp tính vào chi phí.



1.3.4. Hạch toán các khoản chi phí, các khoản thu về thanh lý máy móc thiết bị trong doanh nghiệp xây lắp.

Kế toán thanh lý máy móc, thiết bị thi công chuyên dùng cho hợp đồng xây dựng và TSCĐ này đã trích khấu hao đủ theo nguyên giá khi kết thúc hợp đồng xây dựng :

+ Phản ánh số thu về thanh lý máy móc, thiết bị thi công ghi:

Nợ TK 111,112,131,...

Có TK 333.1 : Thuế GTGT phải nộp

Có TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

+ Phản ánh chi phí thanh lý máy móc, thiết bị (nếu có), ghi:

Nợ TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112,...

+ Ghi giảm TSCĐ đã khấu hao hết là máy móc, thiết bị thi công chuyên dùng đã thanh lý, ghi:

Nợ TK 214: Hao mòn TSCĐ

Có TK 211: TSCĐ hữu hình

1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp vừa và nhỏ.

Theo quy định thì tất cả các doanh nghiệp xây lắp đều phải mở sổ, ghi chép, quản lý, bảo quản, lưu trữ sổ kế toán theo đúng quy định của hình thức ghi sổ kế toán. Theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quy định mỗi doanh nghiệp chỉ được áp dụng thống nhất một trong 4 hình thức ghi sổ kế toán:

- Hình thức Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng qui định của hình thức sổ kế toán đó.

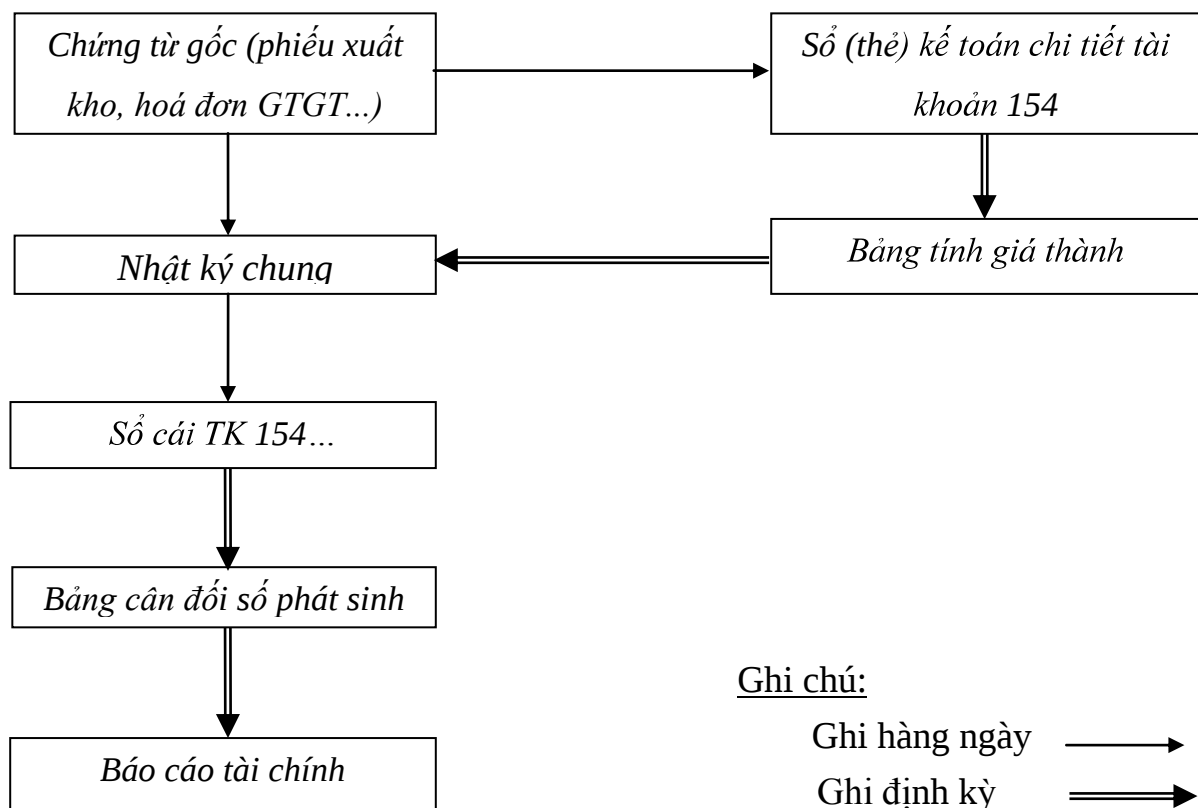
Sau đây, em xin trình bày hình thức Nhật ký chung là hình thức sổ mà đơn vị thực tập đang áp dụng.

❖ **Sổ kế toán sử dụng:**

- Sổ kế toán tổng hợp bao gồm:
 - + Nhật ký chung: dùng để ghi chép toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh theo trình tự thời gian, bên cạnh đó thực hiện việc phản ánh quan hệ đối ứng tài khoản làm căn cứ ghi sổ cái.
 - + Sổ cái các tài khoản liên quan: được mở để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng tài khoản như Sổ cái tài khoản 154, 111...
- Sổ kế toán chi tiết

Phân hành chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm mở các sổ kế toán chi tiết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí sử dụng máy thi công và mở các sổ chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật Ký Chung được thể hiện qua sơ sau:**



Đối với hình thức này, tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH NGUYỆT.

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt
- Tên đăng ký hợp pháp bằng tiếng anh: MINH NGUYET

CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng.
- MST: 0200726984
- Email: minhnguyet.xd@gmail.com

Đăng ký kinh doanh số 0200726984 do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp ngày 18/9/2009

Công ty thành lập năm 2009 thuộc hình thức công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ngày 18 tháng 9 năm 2009 với sự tham gia góp vốn của các cổ đông, công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt chính thức được thành lập tại sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu và được mở tài khoản tại ngân hàng. Mọi hoạt động công ty đều tuân thủ theo qui định của pháp luật, các quyền lợi của công ty được pháp luật bảo vệ.

Từ năm 2009 công ty đã tham gia đầu tư và xây dựng nhiều công trình xây dựng khác nhau. Cho đến nay, mặc dù thị trường kinh tế xây dựng gặp nhiều khó khăn xong công ty vẫn không ngừng phát triển và nâng cao năng lực đạt được nhiều doanh thu và lợi nhuận cao hơn so với năm trước.

Hiện nay, công ty không ngừng nâng cao năng lực về phát triển nguồn nhân lực và trang thiết bị để đảm bảo thi công xây dựng các công trình, các dự án đòi hỏi có kết cấu phức tạp. Công ty đã mở rộng một số ngành nghề kinh doanh mới nhằm phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm tăng thu nhập và nâng cao tay nghề cho người lao động.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.

- Đây là một trong những cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh do Bà Phạm Thị Nguyệt làm giám đốc. Với số vốn điều lệ ban đầu là 5.500.000.000 VNĐ.

- Lĩnh vực kinh doanh của công ty:

- + Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- + Xây dựng cơ sở hạ tầng
- + San lấp mặt bằng
- + Mua bán vật liệu xây dựng.
- + Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng khác

Trong quá trình hoạt động, phát triển công ty bổ sung thêm các lĩnh vực hoạt động khác không thuộc đối tượng cấm kinh doanh với điều kiện phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền đăng ký kinh doanh.

Với phương châm: An toàn – Chất lượng – Tiến độ – Giá thành, công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt cam kết cung cấp những công trình có chất lượng cao với giá cả hợp lý đáp ứng yêu cầu của khách hàng, đồng thời liên tục cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa sự hài lòng của khách hàng.

Các công trình đều do công ty thực hiện đấu thầu và để đảm bảo trúng thầu, công ty phải chứng minh được khả năng, năng lực của mình trên mọi mặt. Khả năng tổ chức thi công, khả năng tài chính, phương tiện máy móc thi công, nhân lực, tiến độ thi công công trình. Tất cả các công trình tham gia đấu thầu đều phải có tiền đặt cọc hay giấy bảo lãnh của ngân hàng nộp cho chủ đầu tư, tránh tình trạng trúng thầu nhưng vì lý do nào đó bỏ không thi công thì sẽ phải bồi thường khoản tiền đặt cọc.

Do vậy trước khi làm hồ sơ dự thầu công ty phải đi thực tế hiện trường để khảo sát điều kiện thi công sau đó mới bắt tay vào công việc làm hồ sơ dự thầu. Quá trình này phải hết sức thận trọng, chính xác và cố gắng để trúng thầu mà vẫn đảm bảo được hiệu quả kinh tế của mỗi sản phẩm sau khi hoàn thành.

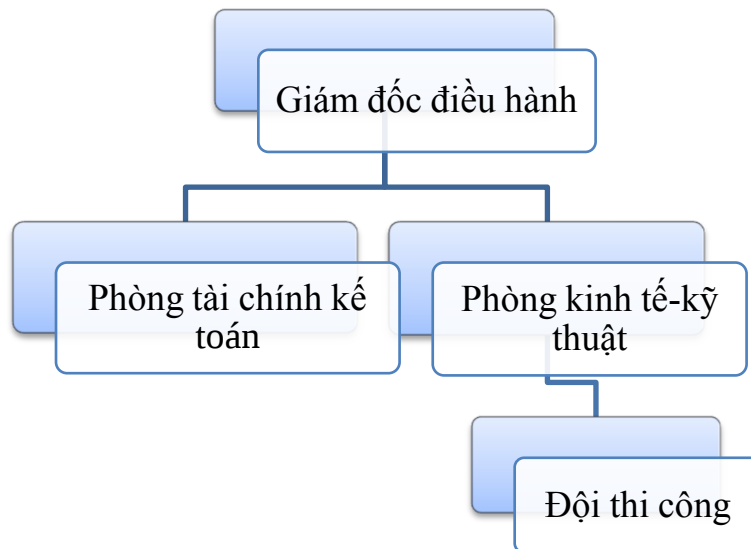
Sau khi trúng thầu, hoàn thành phần ký hợp đồng, công ty bắt đầu tổ chức thi công làm sao đảm bảo tiến độ chất lượng kỹ thuật sản phẩm và an toàn lao động. Mỗi hạng mục công việc hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu sơ bộ đồng ý chuyển bước tiếp theo do giám sát kỹ thuật bên A ký xác nhận, khi công trình hoàn thành hai bên sẽ tổ chức nghiệm thu khối lượng xây dựng hoàn thành,

chất lượng toàn bộ công trình và bàn giao công trình do chủ đầu tư đưa vào sản phẩm.

Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao tổng thể công trình bao gồm hồ sơ hoàn công, biên bản nghiệm thu kỹ thuật, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Tất cả các biên bản này được lập dựa trên nhật ký thi công và biên bản nghiệm thu từng hạng mục công việc.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Minh Nguyệt.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ khái quát bộ máy quản lý của công ty



- *Giám đốc điều hành*: là người nắm giữ cổ phần cao nhất, là người đại diện theo pháp luật của công ty. Giám đốc điều hành là người chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành mọi công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn của mình phù hợp với các quyết định, điều lệ của công ty.

- *Phòng tài chính kế toán*: có nhiệm vụ giúp Giám đốc điều hành chỉ đạo công tác kế toán thống kê, đồng thời kiểm tra, rà soát công tác tài chính của công ty, có trách nhiệm quản lý vốn, tài sản, quỹ, bảo toàn và sử dụng vốn của công ty một cách có hiệu quả, lập báo cáo quyết toán hàng quý, hàng năm lên cơ quan cấp trên, cơ quan thuế và các đối tượng khác.

- *Phòng kinh tế kỹ thuật*: Giúp việc cho giám đốc lập phương án tổ chức thi công, phối hợp với phòng kinh doanh chuẩn bị và kiểm tra vật tư, thiết bị trước khi thi công. Tổ chức chỉ huy, giám sát, kiểm tra tiến độ, kỹ thuật thi công, được quyền đình chỉ thi công khi thấy chất lượng công trình không đảm bảo.

- *Đội thi công*: thực hiện các công trình xây dựng cũng như hạng mục công trình thuộc các dự án đã trúng thầu, đồng thời tiến hành nghiệm thu khối lượng đã hoàn thành. Trực tiếp thi công công trình dưới sự chỉ đạo, giám sát của phụ trách thi công.

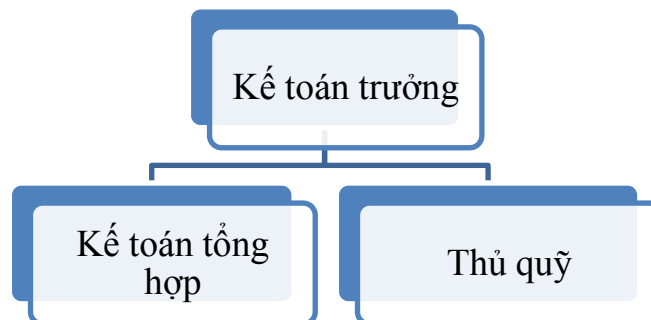
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán là một trong những công việc quan trọng hàng đầu trong công tác kế toán, chất lượng công tác kế toán phụ thuộc trực tiếp vào trình độ, khả năng thành thạo, sự phân công, phân nhiệm hợp lý. Công tác kế toán mà công ty lựa chọn là hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung, thực hiện toàn bộ công tác kế toán tài chính của công ty từ xử lý chứng từ, ghi sổ Kế toán tổng hợp, sổ Kế toán chi tiết đến việc lập báo cáo kế toán. Đồng thời hướng dẫn kiểm tra bộ phận thống kê trong công ty thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ kế toán tài chính do Nhà nước quy định.

Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hoá của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.



Phòng kế toán có 3 người do kế toán trưởng làm trưởng phòng:

- *Kế toán trưởng* là người phụ trách chung phòng kế toán, chịu trách nhiệm trước giám đốc về công tác hạch toán kế toán và tình hình tài chính, lập báo cáo tài chính của Công ty.
- *Kế toán tổng hợp* là người chịu trách nhiệm chính hệ thống sổ cái của Công ty, cung cấp số liệu kịp thời và lập báo cáo tổng hợp.
- *Thủ quỹ* căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi tiền mặt để cấp phát và quản lý tiền mặt.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Minh Nguyệt.

- Niên độ kế toán áp dụng: từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam (VND).
- Hình thức kế toán: Nhật ký chung
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp thực tế đích danh.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Kỳ tính giá thành và kỳ báo cáo: theo quý
- Phương pháp khấu hao TSCĐ : phương pháp đường thẳng.

Căn cứ vào hệ thống chứng từ kế toán nhà nước đã ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và nội dung kinh tế của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Doanh nghiệp đã vận dụng những mẫu chứng từ ban đầu phù hợp với quy định cụ thể ghi chép vào chứng từ nhằm lập đầy đủ kịp thời các chứng từ ban đầu về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tổ chức luân chuyển chứng từ cho bộ phận có liên quan theo một trình tự nhất định để theo dõi ghi chép, tổ chức quản lý và cấp phát chứng từ ghi chép cho các bộ phận có liên quan.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán.

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản và chế độ chứng từ kế toán ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ tài chính.

❖ Hệ thống tài khoản:

Hệ thống tài khoản kế toán của công ty bao gồm các tài khoản cấp 1, tài khoản cấp 2, tài khoản trong Bảng cân đối kế toán và tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán theo quy định trong chế độ kế toán này.

❖ Chứng từ kế toán:

Đối với phần hành tập hợp chi phí và tính giá thành sản xuất, chứng từ để làm căn cứ ghi sổ của kế toán là:

- Hóa đơn GTGT
- Các loại bảng kê (Bảng kê vật tư, bảng kê dịch vụ mua ngoài, bảng kê chi phí khác)
- Các loại bảng phân bổ (bảng phân bổ chi phí sản xuất chung, phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương)

- Bảng chấm công (của công nhân trực tiếp thi công và của nhân viên quản lý phân xưởng)
- Bảng thanh toán lương...

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.

❖ *Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty gồm:*

- Sổ kế toán tổng hợp: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản.
- + *Sổ nhật ký chung:* dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong từng kỳ kế toán và trong một niên độ kế toán theo trình tự thời gian và quan hệ đối ứng các tài khoản nghiệp vụ đó.
- + *Sổ cái các tài khoản:* dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong từng kỳ và trong một niên độ kế toán theo các tài khoản kế toán được qui định trong Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

❖ *Hình thức kế toán tại công ty:*

Để đảm bảo việc tổ chức kế toán phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh, công ty lựa chọn hình thức kế toán “ **Nhật ký chung**”.

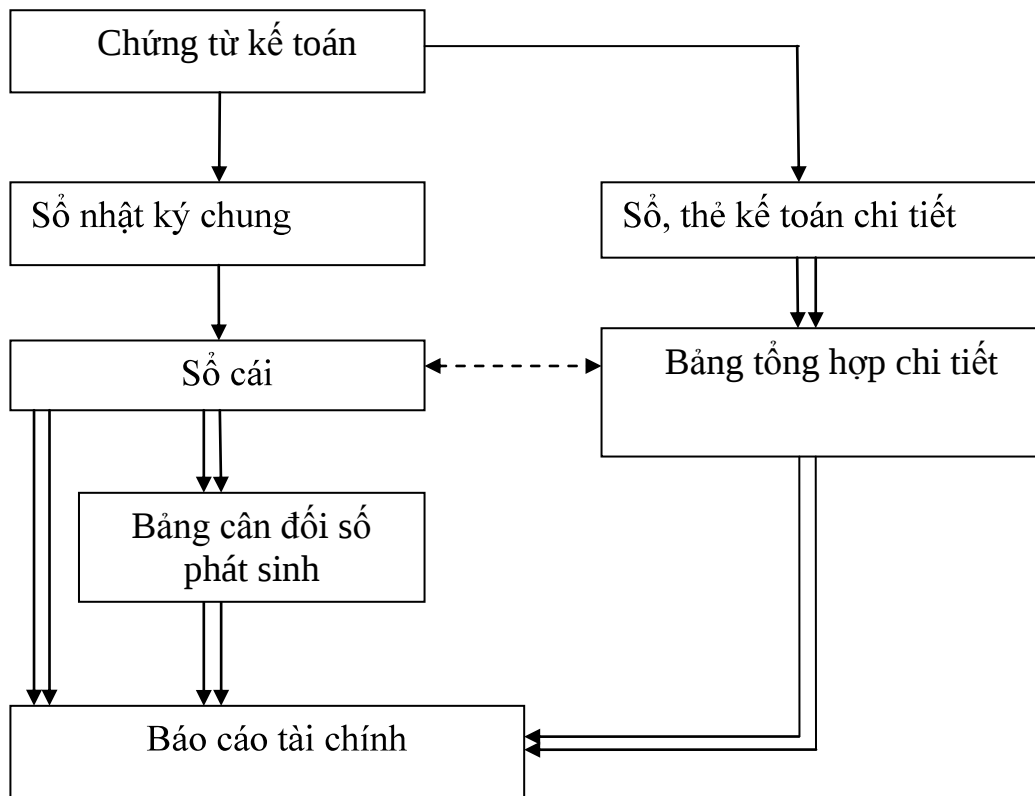
❖ *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán “ Nhật ký chung”:*

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối kỳ cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu, số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ nhật ký chung cùng kỳ.

Sơ đồ 2.1: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Ghi định kỳ: $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán

Báo cáo tài chính là phương pháp tổng hợp số liệu từ các sổ kế toán để phản ánh có hệ thống tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp, tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển các dòng tiền và tình hình vận động sử dụng vốn của công ty trong một thời kỳ nhất định.

Việc lập BCTC có mục đích: Tổng hợp và trình bày một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, nguồn vốn, công nợ và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Từ đó, cung cấp thông tin tài chính, kinh tế cho người quan tâm. Hiểu được tầm quan trọng đó, công ty lập và nộp BCTC theo đúng pháp luật quy định trong QĐ48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006.

Hệ thống báo cáo tài chính gồm:

- Bảng Cân đối kế toán – Mẫu số B01-DNN
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh – Mẫu số B02-DNN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính – Mẫu số B09-DNN
- Bảng cân đối tài khoản – F01-DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - B03-DNN

2.2. Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.

2.2.1. Kế toán chi phí sản xuất

2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất

Do tính chất của công ty mà chi phí sản xuất của công ty bao gồm nhiều loại khác nhau. Để thuận tiện cho công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra cũng như việc ra quyết định kinh doanh, chi phí sản xuất ở công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt được phân loại chi phí theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm. Theo đó chi phí sản xuất trong kỳ được chia thành:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm toàn bộ giá trị vật liệu cần thiết trực tiếp tạo ra sản phẩm như gạch, cát, sỏi, xi măng, thép...
- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp tính trả cho công nhân xây lắp. Công ty không trích các khoản trích theo lương như BHYT, BHXH, BHTN cho công nhân trực tiếp.
- Chi phí sử dụng máy thi công: là những khoản chi phí liên quan đến việc sử dụng máy thi công để hoàn thành sản phẩm của công ty. Do công ty có vốn đầu tư nhỏ nên chi phí máy thi công là các khoản chi phí sử dụng máy thi công do công ty đi thuê ca máy từ bên ngoài.
- Chi phí sản xuất chung: là chi phí phục vụ cho sản xuất nhưng không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương của ban quản lý đội, công nhân vận hành máy, nhân viên quản lý đội, đội thi công, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ TSCĐ...

2.2.1.2. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.

❖ Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất:

Do tính chất đặc thù của ngành xây dựng là sản xuất sản phẩm mang tính đơn chiếc nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường được xác định là từng công trình hạng mục công trình, từng giai đoạn hoàn thành theo quy ước.

Xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất phù hợp với đặc điểm tình hình sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm và đáp ứng được yêu cầu quản lý chi phí sản xuất, phục vụ tốt cho việc tăng cường quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được chính xác kịp thời.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng công trình, hạng mục công trình.

❖ Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất:

Tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt chi phí được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình. Do vậy, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp của công ty là:

- *Phương pháp tập hợp trực tiếp*: phương pháp này sử dụng để tập hợp trực tiếp các khoản chi phí phát sinh liên quan đến công trình, hạng mục công trình bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công.

- *Phương pháp tập hợp phân bổ gián tiếp*: Với chi phí sản xuất chung ở công ty có liên quan đến nhiều đối tượng chi phí (công trình, hạng mục công trình) được tập hợp chung cuối kỳ kế toán tiến hành phân bổ theo giá thành dự toán.

Trong khuôn khổ bài khóa luận, em xin lấy dẫn chứng minh họa về công tác kế toán tập hợp cho phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt đối với công trình “**Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn**”. Công trình được khởi công từ ngày 16/11/2013 và kết thúc ngày 29/12/2013.

2.2.1.3. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nó ảnh hưởng trực tiếp trong giá thành sản phẩm, do đó việc hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vô cùng quan trọng. Hiểu rõ tầm quan trọng đó công ty luôn chú trọng tới việc hạch toán quản lý NVL từ khâu thu mua, vận chuyển tới quá trình sản xuất thi công ngoài công trường.

Các công trường ở xa trụ sở của công ty nên kho vật tư thường đặt tại chân công trình. Vật tư mua ngoài chuyển thẳng tới kho của công trường thì công và thuộc trách nhiệm quản lý của đội trưởng công trình, hạng mục công trình.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dùng tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt gồm nhiều loại như: gạch, vôi, xi măng, cát, đá, sắt thép, đinh, dây buộc, bột màu, tấm lợp, xà, khung cửa...

Để đảm bảo việc sử dụng vật tư đúng mức phòng kế hoạch căn cứ vào khối lượng dự toán công trình, tình hình sử dụng vật tư và tình hình tổ chức thi công... để kịp thời đưa ra định mức thi công và sử dụng NVL cho từng kỳ, từng công trình, hạng mục công trình.

Căn cứ vào dự toán được lập và kế hoạch, tiến độ thi công công trình, tình hình sử dụng vật tư cụ thể ở công trình, cán bộ cung ứng vật tư ở từng công trường sẽ mua vật tư và lấy hoá đơn GTGT. Nhân viên kế toán công trường, thủ kho công trình, kỹ thuật viên xây dựng kiểm nghiệm chất lượng, số lượng vật tư sau đó thủ kho lập phiếu nhập kho đồng thời lập phiếu xuất kho. Căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho và một số chứng từ khác có liên quan (phiếu chi, giấy báo nợ), kế toán tiến hành vào sổ chi tiết nguyên vật liệu mở riêng cho từng công trình, sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 154 và các sổ cái liên quan.

Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho là phương pháp thực tế đích danh. Vật tư xuất kho của lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

❖ Tài khoản sử dụng.

Để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Mở chi tiết tài khoản 154.1 cho khoản mục “chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”. Tài khoản này được mở chi tiết theo đối tượng hạch toán chi phí.

154.12 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho công trình “cải tạo, nâng cấp nhà A1 – Bắc Sơn”.

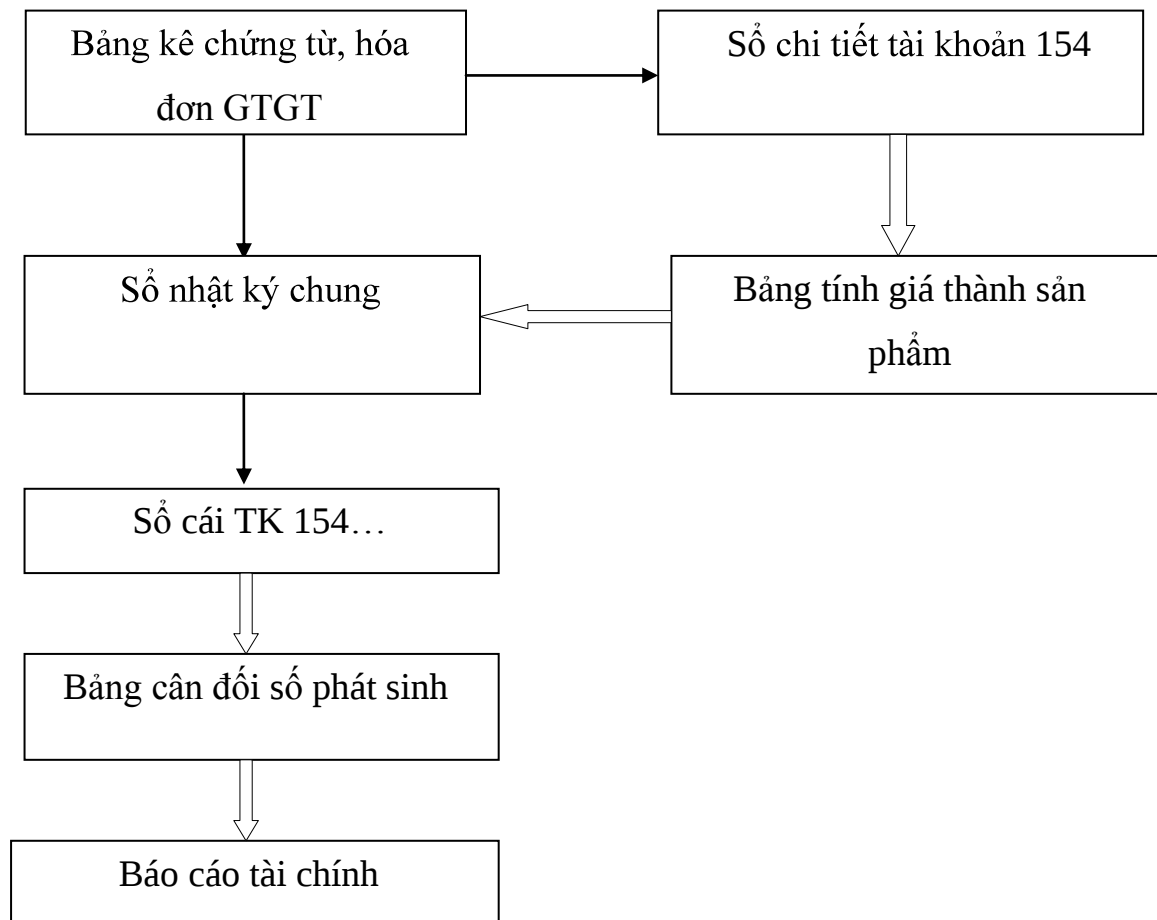
154.13 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho công trình “sửa chữa, cải tạo đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”.

154.14 – chi phí vật liệu trực tiếp cho công trình “cải tạo, nâng cấp phòng học trường cấp 2 Bắc Hà”.

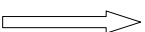
❖ Chứng từ sử dụng: phiếu xuất kho, hóa đơn giá trị gia tăng...

❖ Sổ sách sử dụng: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 154, Sổ chi tiết từng loại NVL mở riêng cho từng công trình...

Sơ đồ 2.2: Quá trình tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



Ghi chú:

Ghi hàng ngày 
 Ghi cuối kỳ 

Ví dụ về tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Ngày 15/12/2013, mua vật tư của công ty TNHH Phú Hải đã thanh toán bằng chuyển khoản, xuất thẳng cho công trình: “Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức - Đồ Sơn” để thi công, số tiền là 9.800.000 đồng (chưa có VAT).

Biểu 2.1:

TÊN CỤC THUẾ:.....		Mẫu số: 01GTKT3/001			
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao người mua Ngày 15 tháng 12 năm 2013					
Ký hiệu: AP/13P Số: 0000073					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH PHÚ HẢI Mã số thuế: 0200783894 Địa chỉ: Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng Số tài khoản: 0366 8866 8896 tại OCEAN BANK – CN Hải Phòng Điện thoại: 0313. 632461 – 0316.272876					
Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Nhung Tên đơn vị: Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt Mã số thuế: 0200726984 Địa chỉ: số 1 Nguyễn Trường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng Hình thức thanh toán: Số tài khoản.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cát vàng BT	m ³	35	280.000	9.800.000
Cộng tiền hàng:					9.800.000
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:					980.000
Tổng cộng tiền thanh toán					10.780.000
Số tiền viết bằng chữ: mười triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, đóng dấu, họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

Khi vật liệu được chuyển đến chân công trình, kế toán cùng với kỹ thuật viên công trình, thủ kho tiến hành kiểm tra chất lượng và số lượng vật liệu rồi lập phiếu nhập kho đồng thời lập phiếu xuất kho để xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm.

Biểu 2.2:

Đơn vị: **CÔNG TY CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Mẫu số 01 - VT

Địa chỉ : Số 1, Nguyễn Trường Loan, Nghĩa

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Xá, Lê Chân, Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Số: 12/07H

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Nợ TK 152:

Có TK 331:

Họ và tên người giao hàng: Phạm Hải An

Hóa đơn: 0000073 ngày 15/09/2013 Công ty TNHH Phú Hải

Lý do nhập hàng : Mua Vật tư phục vụ thi công công trình.

Nhập vào kho : Công trình ***“Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức-Đỗ Sơn”***.

STT	Tên hàng	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Trên hóa đơn	Thực nhập		
1	Cát vàng BT	CV-BT	M ³	35	35	280.000	9.800.000
	Cộng						9.800.000

Số tiền bằng chữ: **Chín triệu tám trăm nghìn đồng.**

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng Tổng giám đốc
 (ký,họ tên) (ký,họ tên) (ký,họ tên) (ký,họ tên) (ký,họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Minh Nguyệt).

Biểu 2.3:

Đơn vị: **CÔNG TY CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Mẫu số: 02 - VT

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số:12/07 H

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Nợ TK 154

Có TK 152

Họ tên người nhận hàng: Chu Văn Tọa

Địa chỉ (Bộ phận): Bộ phận thi công trình “*Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức-Đồ Sơn*”.

Lý do xuất kho: Xuất vật tư phục vụ thi công công trình.

Xuất tại kho: Công trình sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu dân cư Hợp Đức – Đồ Sơn.

STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Cát vàng BT	CV-BT	M ³	35	35	280.000	9.800.000
	Cộng						9.800.000

-Tổng số tiền (Viết bằng chữ): **chín triệu tám trăm nghìn đồng.**

-Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Tổng giám đốc
(ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán vào sổ chi tiết TK 154.13 mở riêng cho công trình.

Biểu 2.4:

Đơn vị: **Công ty Cổ phần ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154

Từ ngày 1/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 154.13

Công trình số: 03 Tên công trình: “sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”

Đơn vị tính : đồng

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Tổng tiền	Ghi nợ TK 154					
SH	NT				Chia ra					
					Cát vàng	Đá 0.5	Sỏi	Xi măng PCB 30		Nhựa đường
		Số dư đầu kỳ								
										
PXK 12/04H	15/12	Xuất xi măng phục vụ thi công công trình	152	18.818.160				18.818.160		
PXK 12/07H	15/12	Xuất cát vàng BT	152	9.800.000	9.800.000					
										
PXK 12/15H	25/12	Xuất cát vàng	152	8.770.250	8.770.250					
										
		Cộng phát sinh		664.732.439	95.020.380	98.268.670	69.986.761	135.023.576	...	188.726.380
		Số dư cuối kỳ								

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Minh Nguyệt)

Từ phiếu xuất kho kế toán vào sổ chi tiết TK 154.1

Biểu 2.5:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp Số hiệu : 154.1

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>1.555.907.216</u>	
			Số phát sinh			
..	...	...	...	...	...	...
15/12	PXK 12/07H	15/12	Xuất cát vàng BT cho công trình “ <i>sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn</i> ”.	152	9.800.000	
15/12	PXK 12/08A	15/12	Xuất xi măng PCH30 cho công trình “cải tạo, nâng cấp nhà A1 – Bắc Sơn”.	152	35.227.285	
18/12	PXK 12/09A	18/12	Xuất cây chống cho công trình “cải tạo, nâng cấp nhà A1- Bắc Sơn”.	152	300.000	
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		2.932.793.600	1.045.600.497
			Số dư cuối kỳ		<u>3.443.100.319</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Từ phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, kế toán vào sổ nhật ký chung.

Biểu 2.6:

Đơn vị: **CÔNG TY CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Mẫu số S03a -DNN

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Trường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng.

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
						
15/12	PNK 12/07H	15/12	Mua vật tư của công ty TNHH Phú Hải	152 133 331	9.8 00.000 980.000	10.780.000
15/12	PX K 12/07H	15/12	Xuất cát vàng BT cho CT “Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”.	154 152	9.800.000	9.800.000
....						
18/12	PNK 12/09A	18/12	Mua đá 0.5 của CT TNHH Hoàng Hải	152 133 111	11.180.000 1.118.000	12.298.000
18/12	PXK 12/09A	18/12	Xuất đá 0.5 cho CT sửa chữa Nhà tập thể A1	154 152	11.180.000	11.180.000
...	...	...	...	..		
25/12	PX K 12/15H	25/12	Xuất cát vàng sử dụng cho CT “Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”.	154 152	8.770.250	8.770.250
...		...				
			Cộng phát sinh		36.403.215.344	36.403.215.344

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 154.

Biểu 2.7:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa

Xá, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-

BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		2.509.527.768	
....				...	...	
15/12	PXK 12/07H	15/12	Xuất cát vàng BT cho CT “ <i>sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn</i> ”	152	9.800.000	
...						
18/12	PXK 12/09A	18/12	Xuất đá 0.5 cho CT sửa chữa nhà tập thể A1	152	11.180.000	
...	...	..	...	...		
25/12	PXK 12/15H	25/12	Xuất cát vàng sử dụng cho CT “ <i>sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn</i> ”	152	8.770.250	
...						
31/12	BTHL T12	31/12	Tính ra lương phải trả cho công nhân trực tiếp thi công công trình toàn công ty T12	334	434.490.000	
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		4.730.312.256	1.686.452.415
			Dư cuối kỳ		5.553.387.609	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

2.2.1.4. *Kế toán chi phí nhân công trực tiếp*

Tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt, khối lượng xây lắp được thực hiện chủ yếu bằng lao động thủ công. Do đó, chi phí nhân công chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng số chi phí sản xuất, việc hạch toán chi phí nhân công vì thế có ý nghĩa hết sức quan trọng. Hạch toán đúng, đầy đủ và chính xác chi phí nhân công sẽ giúp cung cấp thông tin hữu hiệu cho nhà quản lý, phản ánh nhu cầu lao động thực sự ở mỗi công trình để có biện pháp tổ chức thích hợp nhằm tạo ra động lực sản xuất và làm tăng năng suất lao động, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

Do công ty có quy mô nhỏ nên công nhân trực tiếp sản xuất là công nhân hợp đồng, điều này giúp doanh nghiệp hạn chế chi phí tiền lương trong giai đoạn không thi công công trình.

Công ty trả lương cho lao động trực tiếp theo hình thức giao khoán từng khối lượng công trình và khoán gọn công việc, điều này được thể hiện trong các hợp đồng giao khoán. Trong hợp đồng ghi rõ khối lượng công việc được giao, yêu cầu kỹ thuật, đơn giá khoán và thời gian thực hiện.

Dựa vào khối lượng công việc được giao khoán cho từng tổ, đội, đội trưởng thi công đơn đốc lao động trong tổ thực hiện thi công phần việc được giao, bảo đảm đúng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật, đồng thời theo dõi tình hình lao động của từng công nhân và ghi vào bảng chấm công.

Khi công việc hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu bàn giao công việc với sự có mặt của giám sát kỹ thuật, đội trưởng và người nhận khoán. Khối lượng xây lắp hoàn thành phải đảm bảo chất lượng kỹ thuật, tiến độ đúng yêu cầu như đã ghi trong hợp đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt *không tiến hành trích các khoản trích theo lương đối với công nhân trực tiếp thi công công trình, hạng mục công trình.*

Trong giai đoạn thi công, hàng ngày đội trưởng đội xây lắp hay tổ thi công tiến hành chấm công cho công nhân.

❖ Tài khoản sử dụng:

Để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 154 “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Mở chi tiết tài khoản 154.2 cho khoản mục “chi phí nhân công trực tiếp”. Tài khoản này được mở chi tiết theo đối tượng hạch toán chi phí.

154.22 – chi phí nhân công trực tiếp thi công công trình “cải tạo, nâng cấp nhà A1 – Bắc Sơn”.

154.23 – chi phí nhân công trực tiếp thi công công trình “sửa chữa, nâng cấp tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”.

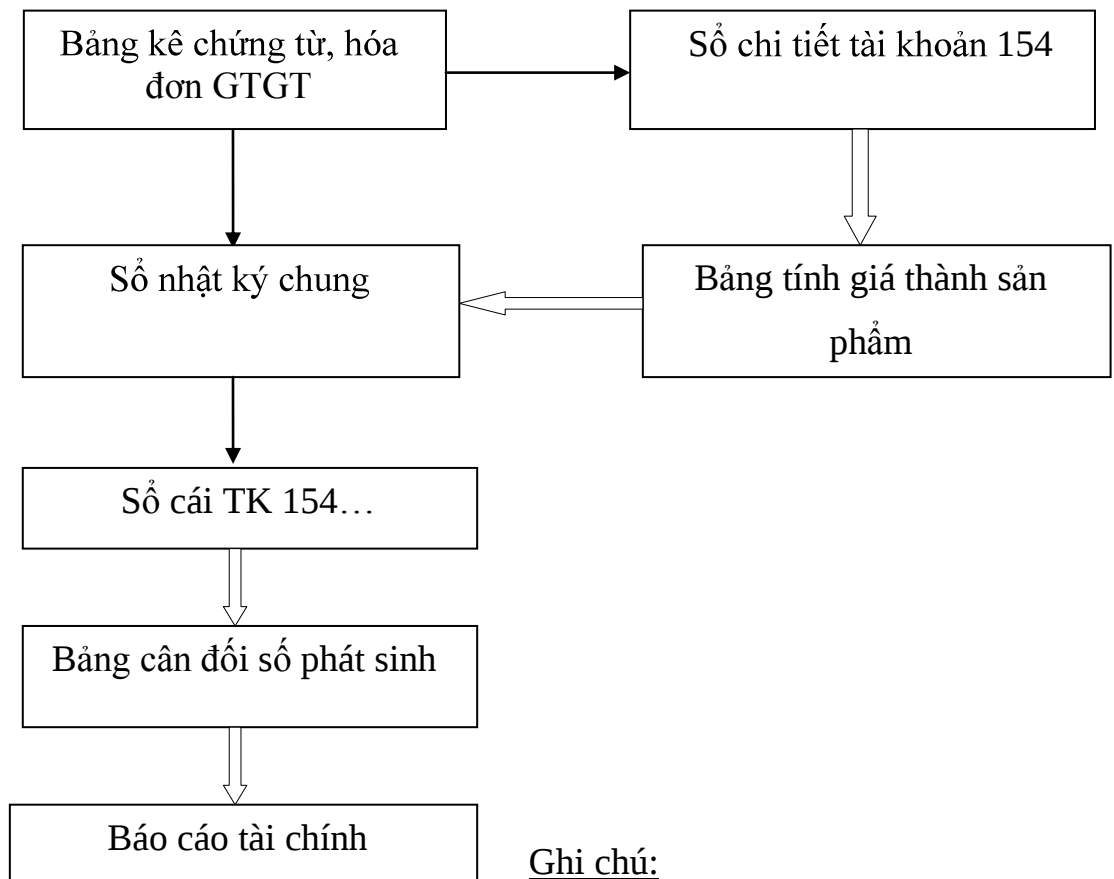
154.24 – chi phí nhân công trực tiếp thi công công trình “sửa chữa, cải tạo phòng học trường cấp 2 Bắc Hà”.

❖ Chứng từ sử dụng:

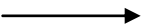
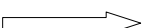
Hợp đồng lao động, hợp đồng giao khoán, bảng chấm công, bảng thanh toán lương, bảng tổng hợp lương

❖ Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 154, sổ sách có liên quan...

Sơ đồ 2.2: Quá trình tập hợp chi phí nhân công trực tiếp



Ghi chú:

Ghi hàng ngày 
 Ghi cuối kỳ 

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ KHOÁN NHÂN CÔNG

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH1 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.
- Căn cứ vào Luật thương mại số 36/2005/QH 11 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ nhu cầu sử dụng nhân lực thi công tại công trình “Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức - Đồ Sơn”.
- Căn cứ năng lực của tổ công nhân.

Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2013, tại trụ sở BCH công trường “Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”, chúng tôi gồm các bên như sau:

I.BÊN A (BÊN GIAO KHOÁN): Cty CP đầu tư XD Minh Nguyệt

- Đại diện Bà: **Phạm Thị Nguyệt** Chức vụ: Giám đốc Cty CP ĐTXD Minh Nguyệt
- Điện thoại:

II.BÊN B (BÊN NHÂN KHOÁN): TỔ CÔNG NHÂN

- Đại diện Ông: **Chu Văn Tọa** Chức vụ: Tổ trưởng đội thi công
- Nghề nghiệp:

CÁC BÊN THỎA THUẬN VÀ NHẤT TRÍ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN VỚI NỘI DUNG NHƯ SAU:

Điều 1: Công việc, khối lượng, đơn giá và giá trị hợp đồng

- Ban chỉ huy công trường có nhu cầu và Tổ nhân công cam kết có đủ khả năng, kinh nghiệm để nhận thi công các hạng mục xây dựng theo hình thức: Khoán gọn.
- Đơn giá thanh toán theo biên bản giao khoán khối lượng công việc.
- Theo bảng kê khối lượng công việc và đơn giá kèm theo.
- Tổng giá trị hợp đồng: Theo thực tế.

Điều 2: Chất lượng công việc và các nhu cầu năng lực, kỹ thuật.

- Chất lượng bên B phải đáp ứng được đúng yêu cầu thiết kế phải tuân thủ các qui trình qui phạm về chuyên ngành về kỹ thuật, yêu cầu về kỹ, mỹ thuật.

Điều 3: Thời gian và tiến độ thực hiện

- Thời gian thực hiện từ ngày 16 tháng 11 năm 2013 đến ngày 29 tháng 12 năm 2013.
- Tiến độ thực hiện: Bên thuê sẽ chủ động điều phối tiến độ thi công chung toán công trường để tổ nhân công phát huy hết năng lực.

Điều 4: Thanh toán hợp đồng

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt
- Thời hạn thanh toán: Cuối mỗi tháng bên A tiến hành thanh toán cho bên B

Điều 5: Trách nhiệm của mỗi bên

Bên A:

- Bàn giao địa điểm, nghiệm thu khối lượng công việc bên B hoàn thành.
- Phối hợp với bên B giám sát, theo dõi tiến độ công việc.
- Thông báo cho bên B khi có hư hỏng khối lượng công việc đã thi công.
- Thanh toán tiền đầy đủ cho bên B theo điều 4 hợp đồng.

Bên B:

- Thi công đúng tiến độ cam kết, có trách nhiệm quản lý, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.
- Chịu trách nhiệm về kỹ thuật và chất lượng thi công, đảm bảo thi công theo đúng quy trình, quy phạm, yêu cầu kỹ thuật.
- Bên B tự lo công cụ lao động, chỗ ăn, ở, sinh hoạt của công nhân, chấp hành các qui định về trật tự, an ninh.

Điều 6: Những thỏa thuận khác

- Trong quá trình thi công có vướng mắc phát sinh thù hai bên phải cùng bàn bạc, thống nhất giải quyết để nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình.
- Hai bên cam kết thực hiện đúng theo các thỏa thuận của hợp đồng, bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Khi hai bên nghiệm thu công trình và thanh toán hết hợp đồng thì hợp đồng này đương nhiên thanh lý.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

BÊN GIAO KHOÁN

BÊN NHẬN KHOÁN

Biểu 2.8:

Đơn vị: **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt**
Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng.

BẢNG TÍNH LƯƠNG KHOẢN

Công trình: **"Sửa chữa, cải tạo nâng cấp tuyến đường khu chung cư Hợp Đức - Đồ Sơn".**

Thời gian: từ ngày 16/11/2013 đến ngày 29/12/2013

Tổ thi công: Chu Văn Tọa

STT	Số hiệu đơn giá	Hạng mục	ĐV	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	DG 128	Đào khuôn làm mặt đường, đất C3, thủ công	m3	245,84	129.368	31.803.829
2	DG 24	Đắp nền đường bằng thủ công, K95, đất C3	m3	352,7	74.454	26.259.956
		Rãnh dọc xây				
3	DG 195	làm lớp đệm móng đá găm	m3	152,1	164.321	24.993.224
4	DG 203	xây đá học vữa XM M100	m3	251,14	124.180	31.186.565
		An toàn giao thông				
5	DG 492	làm cọc tiêu	cọc	10	18.035	180.350
....	...	...	...	..	..	...
		Tổng				220.095.000

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tổ thi công
(ký, họ tên)

Kỹ thuật
(ký, họ tên)

Kế toán
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu 2.9:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG CHẤM CÔNG

Tổ thi công: Chu Văn Tọa

Tháng 12 năm 2013

TT	Họ và tên	Ngày công trong tháng																Tổng cộng
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
		17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
1	Chu Văn Tọa	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	29
		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
2	Nguyễn Văn Tuấn	x	x	x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	x	x	29
		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
3	Trịnh Duy Mậu	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	29
		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
4	Đỗ Duy Cường	x	x	x	x	x	x	x	x	0	0	x	x	x	x	x	x	27
		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
5	Phạm Đình Quang	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	28
		x	x	x	x	x	0	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
																		
	Tổng																	946

X – đi làm

0 – nghỉ làm

Người chấm công

Căn cứ vào bảng chấm công, hợp đồng giao khoán đối với từng tổ, đội công nhân. Biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành, kế toán tiến hành xác định tiền lương cho từng công nhân.

Tổng tiền lương khoán thi công trong tháng 12 đối với công trình “Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn” là 146.630.000 đồng (căn cứ bảng tính lương).

Biểu 2.10:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG CHIA LƯƠNG

Tháng 12 năm 2013

Công trình: **“Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”**

Tổ: Chu Văn Tọa

STT	Họ và tên	Tổng số công	Tiền lương một ngày	Thành tiền	Ký nhận
1	Chu Văn Tọa	29	200.000	5.800.000	
2	Nguyễn Văn Tuấn	29	140.000	4.060.000	
3	Trịnh Duy Mậu	29	140.000	4.060.000	
4	Đỗ Duy Cường	27	140.000	3.780.000	
5	Phạm Đình Quang	28	140.000	3.920.000	
6	Hoàng Ngọc Lân	26	140.000	3.640.000	
...	...	...	...	...	..
	Tổng	946		146.630.000	

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

(ký, họ tên)

Phụ trách

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt).

Trên cơ sở bảng chia lương kế toán lập sổ chi tiết TK 154.23 của công trình “Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”.

Biểu 2.11:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm Số hiệu : 154.23

Tên công trình: “*Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn*”

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
30/11	BTTL 03-T11	30/11	Tính ra tiền lương trả cho tổ ông Chu Văn Tọa T11	334	73.465.000	
31/12	BTTL 03-T12	31/12	Tính ra tiền lương trả tổ ông Chu Văn Tọa T12	334	146.630.000	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp CT “ <i>Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn</i> ”.	632		220.095.000
			Cộng phát sinh		220.095.000	220.095.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Từ số liệu của sổ chi tiết TK 154.2 mở riêng cho từng công trình, bảng thanh toán lương bộ phận quản lý toàn công ty, bảng thanh toán lương nhân viên quản lý đội xây lắp toàn công ty, kế toán lập bảng tổng hợp lương tháng 12/2013

Biểu 2.12:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG

Tháng 12 năm 2013

STT	Ghi có TK Ghi Nợ TK	TK 334			TK 338				TK 335	Tổng cộng
		Lương cơ bản	các khoản khác	Cộng có 334	BHXXH	BHYT	BHTN	Cộng có 338		
1	TK 154 - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang			451.239.462						451.239.462
	- 154.2 - Chi phí nhân công trực tiếp:			434.490.000						434.490.000
	+ CT cải tạo nâng cấp tuyến đường khu dân cư Hợp Đức - Đồ Sơn	146.630.000		146.630.000						146.630.000
	+ CT nhà A1	200.560.000		200.560.000						200.560.000
	+ CT trường cấp 2 Bắc Hà	87.300.000		87.300.000						87.300.000
	- 154.7 - chi phí sản xuất chung	10.599.462	6.150.000	16.749.462						16.749.462
2	- 642 - chi phí quản lý kinh doanh	11.545.000	8.095.000	19.640.000	1.962.650	346.350	115.450	2.482.175		22.122.175
3	- 334- phải trả người lao động				808.150	173.175	115.450	1.096.775		1.096.775
	Cộng	456.634.462	14.245.000	470.879.462	2.770.800	519.525	230.900	3.578.950		474.458.412

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Căn cứ vào bảng tổng hợp lương, kế toán vào sổ chi tiết 154.2

Biểu 2.13:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm Số hiệu : 154.2

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>577.191.386</u>	
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BTTL 02-T12	31/12	Tính ra tiền lương trả cho CT “cải tạo, nâng cấp nhà A1 – Bắc Sơn”	334	200.560.000	
31/12	BTTL 03-T12	31/12	Tính ra tiền lương trả cho CT “Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”.	334	146.630.000	
31/12	BTTL 04/12	31/12	Tính ra tiền lương trả cho CT “sửa chữa, cải tạo phòng học trường cấp 2 Bắc Hà”	334	87.300.000	
...	...	...	...	..	...	...
			Cộng phát sinh		1.040.669.000	387.884.055
			Số dư cuối kỳ		<u>1.229.976.331</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Căn cứ vào bảng tổng hợp lương toàn công ty, kế toán vào sổ Nhật ký chung phản ánh chi phí nhân công.

Biểu 2.14:

Đơn vị: **CÔNG TY CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Mẫu số S03a -DNN

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng.

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
						
15/12	PN K 12/07H	15/12	Mua vật tư của công ty TNHH Phú Hải	152 133 331	9.8 00.000 980.000	10.780.000
...	...	...	...	...	...	
25/12	PX K 12/15H	25/12	Xuất cát vàng sử dụng cho CT <i>“Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đỗ Sơn”</i> .	154 152	8.770.250	8.770.250
...		...		...		
31/12	BTHL T12	31/12	Tính ra lương phải trả cho công nhân trực tiếp thi công công trình toàn công ty T12	154 334	434.490.000	434.490.000
31/12	BTHL T12	31/12	Tính ra tiền lương phải trả nhân viên quản lý công trường T12	154 334	16.749.462	16.749.462
31/12	BTHL T12	31/12	Tính ra lương phải trả cho bộ phận quản lý doanh nghiệp T12	642 334	19.640.000	19.640.000
31/12	BTHL T12	31/12	Trích BHXH, BHYT tính vào chi phí	642 338	2.482.175	2.482.175
31/12	BTHL T12	31/12	Trích BHXH, BHYT tính vào lương	334 338	1.096.775	1.096.775
...	...	...	...	..		
			Cộng phát sinh		36.403.215.344	36.403.215.344

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Từ nhật ký chung vào sổ cái tài khoản 154.

Biểu 2.15:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**
Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa
Xá, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>2.509.527.768</u>	
....				...	...	
15/12	PXK 12/07H	15/12	Xuất cát vàng BT cho CT “ <i>sửa chữa, nâng cấp tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn</i> ”.	152	9.800.000	
...						
18/12	PXK 12/09A	18/12	Xuất đá 0.5 cho CT “cải tạo, nâng cấp nhà A1 – Bắc Sơn”.	152	11.180.000	
...	...	..	...	...		
31/12	BTHL T12	31/12	Tính ra lương phải trả cho công nhân trực tiếp thi công công trình toàn công ty T12	334	434.490.000	
31/12	BTHL T12	31/12	Tính ra tiền lương phải trả cho nhân viên quản lý công trường T12	334	16.749.462	
...						
			Cộng phát sinh		4.730.312.256	1.686.452.415
			Dư cuối kỳ		<u>5.553.387.609</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

2.1.4.5. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình thi công để thực hiện khối lượng công việc xây lắp.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt có qui mô nhỏ nên các công trình hạng, hạng mục công trình thi công công ty lựa chọn hình thức thuê máy thi công bên ngoài ngay tại gần công trình.

Công ty sử dụng phương thức thuê trọn gói cả máy thi công và người điều khiển máy. Trên hợp đồng thuê có ghi rõ khối lượng công việc phải hoàn thành và đơn giá tiền thuê.

Cuối tháng, kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công chi tiết cho từng công trình.

❖ Tài khoản sử dụng:

Để tập hợp chi phí máy thi công kế toán sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Mở chi tiết tài khoản 154.3 cho khoản mục “chi phí máy thi công”. Tài khoản này được mở chi tiết theo đối tượng hạch toán chi phí.

154.32 – chi phí sử dụng máy thi công cho công trình “cải tạo, nâng cấp nhà A1 – Bắc Sơn”.

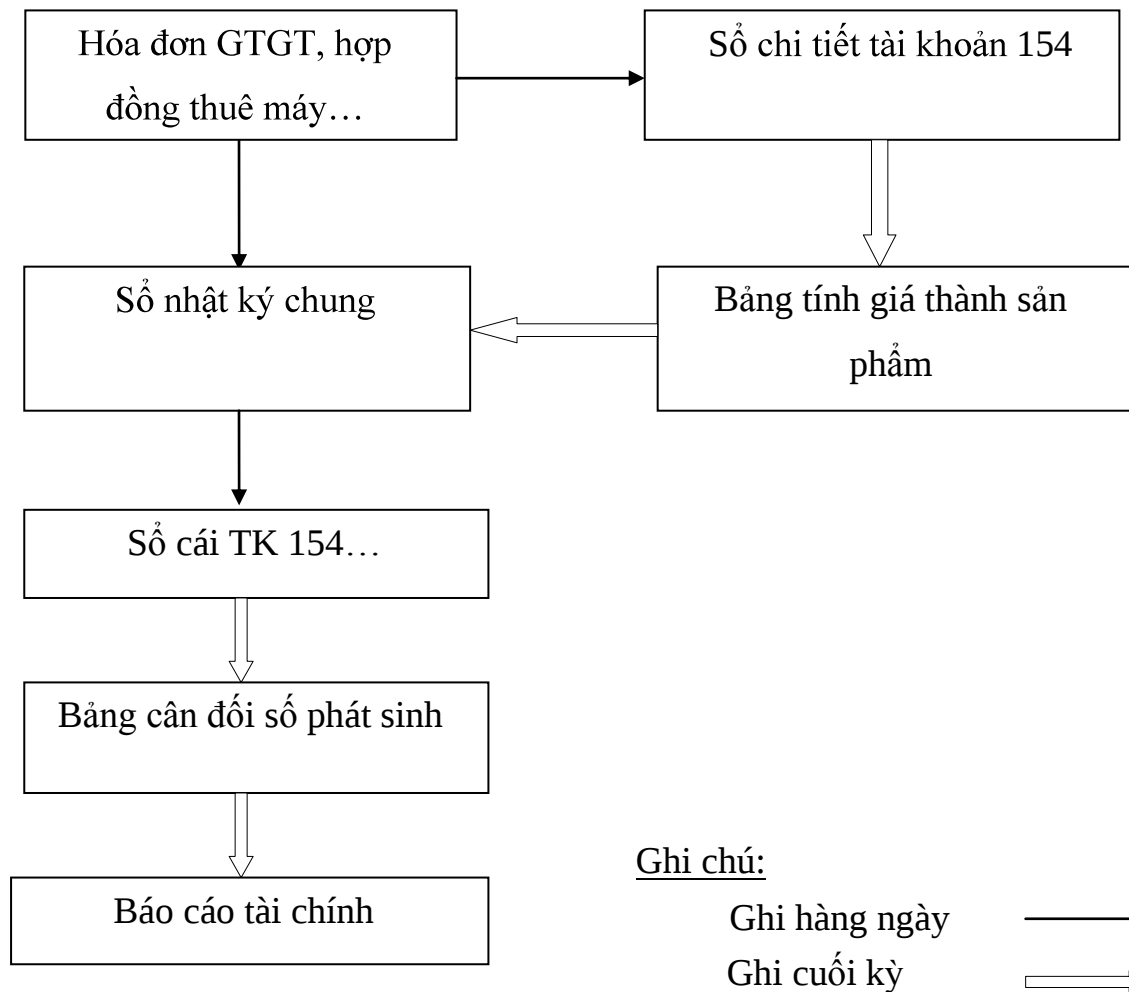
154.33 - chi phí sử dụng máy thi công cho công trình “Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”.

154.34 – chi phí sử dụng máy thi công cho công trình “Cải tạo, nâng cấp phòng học cấp 2 Bắc Hà”.

❖ Chứng từ sử dụng: Hóa Đơn GTGT, bảng tổng hợp hóa đơn, hợp đồng thuê máy thi công, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành...

❖ Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 154, sổ sách có liên quan...

Sơ đồ 2.4: Quá trình tập hợp chi phí sử dụng máy thi công



Ví dụ về chi phí máy thi công:

Ngày 15/12/2013, thuê máy thi công theo hợp đồng số 15HĐ ký ngày 30/11/2013 cho công trình: “Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”.

Biểu 2.16:

TÊN CỤC THUẾ:.....		Mẫu số: 01GTKT3/001			
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao người mua Ngày 28 tháng 12 năm 2013					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Long An		Ký hiệu: AP/13P			
Mã số thuế: 0200788594		Số: 0000218			
Địa chỉ: Số 42, Nguyễn Lương Bằng, Kiến An, Hải Phòng					
Số tài khoản: 0366 8884 1285 tại OCEAN BANK – CN Hải Phòng					
Điện thoại: 0313. 635485					
Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Nhung					
Tên đơn vị: Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt					
Mã số thuế: 0200726984					
Địa chỉ: số 1 Nguyễn Trường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Số tài khoản.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thuê máy thi công theo hợp đồng số 15HĐ ký ngày 30/11/2013 cho công trình “sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn” (có bản kê chi tiết máy kèm theo).				89.320.000
Cộng tiền hàng:					89.320.000
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:					8.932.000
Tổng cộng tiền thanh toán					98.252.000
Số tiền viết bằng chữ: chín mươi tám triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, đóng dấu, họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, hợp đồng thuê máy thi công kế toán vào sổ chi tiết 154.33

Biểu 2.17:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công Số hiệu : 154.33

Tên công trình: “*Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn*”

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
26/11	HĐ 185	26/11	Thuê máy thi công theo hợp đồng số 8 HĐ ngày 10/11/2013	331	30.731.000	
28/12	HĐ 218	28/12	Thuê máy thi công theo hợp đồng số 15HĐ ngày 30/11/2013	331	89.320.000	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công CT “ <i>sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu dân cư Hợp Đức – Đồ Sơn</i> ”.	632		120.051.000
			Cộng phát sinh		120.051.000	120.051.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

154.3

Biểu 2.18:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công Số hiệu : 154.3

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>250.952.778</u>	
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	
28/12	HĐ 148	28/12	Thuê máy thi công theo hợp đồng số 5 HĐ của công ty TNHH Hoàng Anh cho CT “cải tạo, nâng cấp nhà A1 – Bắc Sơn”.	331	75.158.000	
28/12	HĐ 218	28/12	Thuê máy thi công theo hợp đồng số 15HĐ ngày 30/11/2013 cho CT “Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu dân cư Hợp Đức – Đồ Sơn”.	331	89.320.000	
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		505.617.256	168.645.241
			Số dư cuối kỳ		<u>587.924.793</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Từ hóa đơn GTGT, hợp đồng thuê máy kế toán ghi vào sổ nhật ký chung.

Biểu 2.19:

Đơn vị: **CÔNG TY CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Mẫu số S03a -DNN

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Trường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng.

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
						
15/12	PN K 12/07 H	15/12	Mua vật tư của công ty TNHH Phú Hải	152 133 331	9.8 00.000 980.000	10.780.000
...	...	...	...		...	...
28/12	HĐ 148	28/12	Thuê máy thi công theo hợp đồng số 5 HĐ của công ty TNHH Hoàng Anh cho CT “cải tạo nâng cấp nhà A1 – Bắc Sơn”.	154 133 331	75.158.000 7.515.800	82.673.800
28/12	HĐ 218	28/12	Thuê máy thi công theo hợp đồng số 15HĐ ngày 30/11/2013 cho CT “Sửa chữa,cải tạo tuyến đường khu dân cư Hợp Đức – Đồ Sơn”.	154 133 331	89.320.000 8.932.000	98.252.000
...	...	...	...	..		
			Cộng phát sinh		36.403.215.344	36.403.215.344

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Từ nhật ký chung vào sổ cái TK 154

Biểu 2.20:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa
Xá, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-
BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>2.509.527.768</u>	
....					...	
15/12	PXK 12/07H	15/12	Xuất cát vàng BT cho CT “ <i>sửa chữa, cải tạo tuyến đường chung dân cư Hợp Đức – Đồ Sơn</i> ”.	152	9.800.000	
...						
18/12	PXK 12/09A	18/12	Xuất đá 0.5 cho công trình “cải tạo, nâng cấp nhà tập thể A1 – Bắc Sơn”.	152	11.180.000	
28/12	HĐ 218	28/12	Thuê máy thi công theo hợp đồng số 15HĐ ngày 30/11/2013 cho CT “ <i>Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn</i> ”.	331	89.320.000	
...	...	..	...	...		
31/12	BTHL T12	31/12	Tính ra lương phải trả cho công nhân trực tiếp thi công công trình toàn công ty T12	334	434.490.000	
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		4.730.312.256	1.686.452.415
			Dư cuối kỳ		<u>5.553.387.609</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ
(ký, họ tên)
dấu)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

2.2.1.6. *Kế toán chi phí sản xuất chung*

❖ Tài khoản sử dụng:

Để tập hợp chi phí máy thi công kế toán sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Mở chi tiết tài khoản 154.7 cho khoản mục “chi phí sản xuất chung”.

❖ Các chứng từ sử dụng:

Hóa đơn GTGT, bảng tính và phân bổ khấu hao, Phiếu xuất kho NVL, CCDC, hợp đồng lao động, bảng chấm công, bảng thanh toán lương, bảng tổng hợp lương.

❖ Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 154, sổ chi tiết tài khoản 154 theo dõi chung cho toàn công ty, bảng phân bổ chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung hoạt động xây lắp của công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt bao gồm: lương nhân viên quản lý đội, công trường, các khoản trích lương tính vào chi phí, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, và những chi phí bằng tiền khác phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động xây lắp.

Trong đó:

❖ ***Chi phí nhân viên quản lý công trường:***

Bao gồm lương cho đội trưởng, kế toán đội, bảo vệ, nhân viên giám sát kỹ thuật, lương của nhân viên quản lý đội công ty không trích, đóng các khoản bảo hiểm. Công ty áp dụng hình thức trả lương theo thời gian.

Hình thức trả lương theo thời gian: là hình thức trả lương cho người lao động căn cứ vào thời gian làm việc thực tế, hệ số cấp bậc kỹ thuật và đơn giá tiền lương theo thời gian. Công ty trả lương cố định theo tháng trên cơ sở hợp đồng lao động.

$$\text{Tiền lương cơ bản} = \frac{\text{Lương tối thiểu} \times \text{Hệ số lương}}{\text{Số ngày công theo quy định}} \times \text{Số ngày làm việc thực tế}$$

$$\text{Tổng thu nhập} = \text{Tiền lương} + \text{Phụ cấp ăn ca} + \text{xăng xe} + \text{Phụ cấp khác.}$$

Đối với tiền lương cho bộ phận quản lý công trường, thủ kho nộp bảng chấm công (mẫu như trình bày ở trên) cho số nhân viên quản lý đội của tổ mình lên phòng kế toán công ty vào cuối mỗi tháng. Sau khi nhận được bảng chấm công của các đội gửi lên, kế toán sẽ tập hợp lại tính ra tiền lương bộ phận quản lý sản xuất của toàn công ty. Ta có bảng thanh toán lương nhân viên quản lý đội của toàn công ty.

Biểu 2.21:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số 02 – LĐTL

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 19/4/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG
Tháng 12 năm 2013
Bộ phận quản lý đội sản xuất toàn công ty

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Số ngày công	Lương tối thiểu	HS lương	Lương cơ bản	Tiền lương	Phụ cấp ăn ca + xăng xe+ khác	Tổng thu nhập	Các khoản giảm trừ				Thực lĩnh	Ký nhận
									BH XH	BH YT	Cộng	Thuế TNCN		
1	Nguyễn Long Hải	25	1.150.000	2.64	3.036.000	2.919.231	1.550.000	4.469.231				0	4.469.231	
2	Bùi Bá Hoàng	23	1.150.000	2.34	2.691.000	2.380.500	1.500.000	3.880.500				0	3.880.500	
3	Mai Văn Hiền	23	1.150.000	2.34	2.691.000	2.380.500	1.550.000	3.930.500				0	3.930.500	
														
	Cộng	x	x	x	11.454.000	10.599.462	6.150.000	16.749.462				0	16.749.462	

Tổng tiền lương của Bộ phận quản lý đội sản xuất toàn công ty là: 16.749.462

Bằng chữ: mười sáu triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng

Người lập

Kế toán Trưởng

Tổng giám đốc

(Nguồn dữ liệu: phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Từ bảng thanh toán lương trên kế toán lấy số liệu vào bảng tổng hợp lương tháng 12 (**biểu 2.14**). Căn cứ vào bảng tổng hợp lương tháng 12, kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết TK 154.7 tập hợp chung cho toàn công ty, vào sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 154.

Chi phí nguyên vật liệu: Khoản chi phí này gồm nhiên liệu mua ngoài (Dầu Diesel ,nhớt ...) dùng cho vận hành máy nổ....

Khi nhận được chứng từ từ Đội gửi lên kế toán công ty ghi vào sổ chi tiết tài khoản 154 mở chung cho toàn công ty, vào sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 154.

Chi phí công cụ dụng cụ: Là những tư liệu lao động không đủ điều kiện về tiêu chuẩn quy định đối với tài sản cố định.

Công cụ dụng cụ ở công ty bao gồm:

- ✓ **CCDC loại phân bổ 1 lần** (hạch toán vào TK 154.7 thông qua phiếu xuất).

Ví dụ: Ngày 14/11/2013, xuất xe kéo phục vụ cho công trình “ sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn” với số tiền là 2.750.000 đồng.

Biểu 2.22:Đơn vị: **CÔNG TY CP ĐTXD Minh Nguyệt****Mẫu số: 02 - VT**

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO**Số:12/05 H**

Ngày 14 tháng 12 năm 2013

Nợ TK 154**Có TK 153**

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Trọng Tấn

Địa chỉ (Bộ phận): Bộ phận thi công trình “*Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường khu dân cư Hợp Đức–Đồ Sơn*”.

Lý do xuất kho: Xuất công cụ dụng cụ phục vụ công trình

Xuất tại kho: Công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường khu dân cư Hợp Đức – Đồ Sơn.

STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xe kéo loại 1	XK – L1	cái	5	5	550.000	2.750.000
	Cộng						2.750.000

-Tổng số tiền (Viết bằng chữ): **hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng.**

-Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 14 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Tổng giám đốc**
 (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

✓ **CCDC có thời gian phân bổ trên 1 năm** (hạch toán vào TK 154 thông qua bảng phân bổ chi phí TK 242)

Biểu 2.23:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TK 242

Tháng 12/2013

Số:BPBCCDC-T12

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên công cụ, lao vụ	Số lượng	Đơn giá mua	Thành tiền	Thời gian phân bổ (tháng)	Thời điểm đưa vào sử dụng	Số đã phân bổ lũy kế đến tháng 11	Giá trị phân bổ tháng này	Giá trị còn lại
I.Bộ phận thi công (TK154.7)									
1	Máy xoa nền MPT- 36B	5	9.206.000	46.030.000	24	T11/2012	26.850.838	1.917.917	17.261.245
2	Đầm đất Mikasa MT- 72FW	4	5.890.000	23.560.000	24	T1/2013	11.780.004	981.667	10.798.329
3	Bơm nước mini KOSIN 260	2	8.765.000	17.530.000	24	T5/2012	14.608.340	730.417	2,191.243
4	Máy cắt gạch HISTU MCD 218	5	9.564.000	47.820.000	24	T3/2011	43.835.000	1.992.500	3.985.000
5	Máy khoan tay DT SWZ	2	3.296.000	6.592.000	18	T9/2013	1.464.888	366.222	4.760.890
...	...		...			...	...	...	
	Cộng	x	x	200.354.800	x	x	129.286.605	10.895.545	60.172.650

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Từ bảng phân bổ chi phí TK 242, kế toán vào sổ chi tiết TK 154.7 và vào sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 154.

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí dịch vụ mua ngoài bao gồm chi phí về tiền điện thoại, fax, điện, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị vận tải..... phục vụ cho thi công và cho công tác quản lý đội.

Chi phí bằng tiền khác

Chi phí bằng tiền khác bao gồm chi phí giao dịch, hội nghị, tiếp khách...phục vụ cho hoạt động của tổ đội thi công.

Ở công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Minh Nguyệt : Hàng quý kế toán tiến hành tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh trong quý Chi phí sản xuất chung được tập hợp và phân bổ vào cuối quý. Cuối quý kế toán căn cứ vào tiêu thức “**giá thành dự toán**” để phân bổ chi phí sản xuất chung phát sinh cho từng đơn hàng.

$$\text{Chi phí SXC phân bổ cho công trình A} = \frac{\text{Tổng chi phí SXC}}{\text{Tổng giá thành dự toán của các công trình tính đến thời điểm phân bổ}} \times \text{Giá thành dự toán của công trình A}$$

Căn cứ vào các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, bảng tính và phân bổ khấu hao, bảng lương nhân viên quản lý, nhân viên gián tiếp của đội thi công... kế toán tiến hành phản ánh các khoản chi phí sản xuất chung phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký chung và sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK154.7.

- Tập hợp chi phí sản xuất chung:

Sau khi tập hợp được tất cả các chi phí sản xuất chung phát sinh trong quý, kế toán tiến hành phân bổ cho từng công trình theo giá thành dự toán của các công trình.

Chi phí sản xuất chung Công trình : “Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”: công trình này không được theo dõi chi tiết chi phí sản xuất chung mà chi phí sản xuất chung được phân bổ từ số liệu chung cuối quý.

Biểu 2.24:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung Số hiệu : 154.7

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>125.476.388</u>	
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	
14/12	PXK 12/05H	14/12	Xuất dùng xe kéo loại 1	153	2.750.000	
...	...	...	...	...	...	...
15/12	PC 12/14	15/12	Thanh toán tiền điện thoại T12/2013	111	1.078.000	
...	...	...		...	...	...
31/12	BPBCC DCT12	31/12	Phân bổ chi phí trả trước 242	242	10.895.545	
31/12	BTHL T12	31/12	Tính ra tiền lương phải trả nhân viên quản lý công trường T12	334	16.749.462	
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		251.232.400	84.322.622
			Số dư cuối kỳ		<u>292.386.166</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt).

Sau khi đã tập hợp được chi phí sản xuất chung theo dõi chung cho toàn công ty phần cần phân bổ, kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình dựa vào tiêu thức giá thành dự toán.

Biểu 2.25:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Từ ngày 1/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính : đồng

STT	Công trình	Tiêu thức phân bổ (Giá thành dự toán)	Chi phí sản xuất chung
1	Công trình “cải tạo, nâng cấp nhà A1 – Bắc Sơn”	3.042.000.000	115.935.825
2	Công trình “ cải tạo, nâng cấp phòng học trường cấp 2 Bắc Hà”	2.500.000.000	95.279.278
3	Công trình “sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”	1.050.000.000	40.017.297
	Tổng	6.592.000.000	251.232.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

❖ Diễn giải cụ thể cách tính lấy số liệu vào bảng trên:

- Tổng chi phí sản xuất chung (phần chi phí dùng chung cần phân bổ) của công ty là 251.232.400 đồng.
 - Tổng giá thành dự toán của các công trình thi công là 6.592.000.000 đồng.
 - Giá thành dự toán của các công trình thi công trong tháng 12 là:
- + Công trình “ cải tạo, nâng cấp nhà A1 – Bắc Sơn” : 3.042.000.000 đồng.
- + Công trình “cải tạo, nâng cấp phòng học trường cấp 2 Bắc Hà”: 2.500.000.000 đồng.
- + Công trình “sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu dân cư Hợp Đức – Đồ Sơn”: 1.050.000.000 đồng.

1.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXC} \\ \text{phân bổ cho CT} \\ \text{"cải tạo, nâng} \\ \text{cấp nhà A1 -} \\ \text{Bắc Sơn"} \end{array} = \frac{251.232.400}{6.592.000.000} \times 3.042.000.000 = 115.935.825 \text{ đồng}$$

2.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXC} \\ \text{phân bổ cho CT} \\ \text{"cải tạo, nâng} \\ \text{cấp phòng học} \\ \text{trường cấp 2} \\ \text{Bắc Hà"} \end{array} = \frac{251.232.400}{6.592.000.000} \times 2.500.000.000 = 95.279.278 \text{ đồng}$$

3.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXC} \\ \text{phân bổ cho CT} \\ \text{"sửa chữa, cải} \\ \text{tạo tuyến đường} \\ \text{khu chung cư} \\ \text{Hợp Đức - Đồ} \\ \text{Sơn"} \end{array} = \frac{251.232.400}{6.592.000.000} \times 1.050.000.000 = 40.017.297 \text{ đồng}$$

Căn cứ vào các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, bảng tổng hợp lương...kế toán phản ánh các nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung.

Biểu 2.26:

Đơn vị: **CÔNG TY CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Mẫu số S03a -DNN

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng.

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
						
14/12	PX K 12/05H	14/12	Xuất dùng xe kéo loại 1	154 153	2.750.000	2.750.000
...	...	...	...	...	...	
28/12	HD 218	28/12	Thuê máy thi công theo hợp đồng số 15HD ngày 30/11/2013 cho CT “sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”.	154 133 331	89.320.000 8.932.000	98.252.000
....						
31/12	BPBCC DC T12	31/12	Phân bổ chi phí trả trước 242 vào TK 154	154 242	10.895.545	10.895.545
31/12	BTHL T12	31/12	Tính ra tiền lương phải trả nhân viên quản lý công trường T12	154 334	16.749.462	16.749.462
...	...	...	...	..		
			Cộng phát sinh		36.403.215.344	36.403.215.344

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Từ sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 154

Biểu 2.27:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**
Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa
Xá, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>2.509.527.768</u>	
....					...	
14/12	PX K 12/05H	14/12	Xuất dùng xe kéo loại 1	153	2.750.000	
...						
28/12	HĐ 218	28/12	Thuê máy thi công theo hợp đồng số 15HĐ ngày 30/11/2013 cho CT “sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”.	331	89.320.000	
...	...	..	...	...		
31/12	BPBCCD C T12	31/12	Phân bổ chi phí trả trước 242 vào TK 154.7	242	10.895.545	
31/12	BTHL T12	31/12	Tính ra tiền lương phải trả nhân viên quản lý công trường T12	334	16.749.462	
...						
31/12	PKT 25	31/12	Giá trị công trình hoàn thành trong quý	632		1.686.452.415
			Cộng phát sinh		4.730.312.256	1.686.452.415
			Dư cuối kỳ		<u>5.553.387.609</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

2.2.2. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.

Đánh giá sản phẩm dở dang là một khâu quan trọng trong công tác tính giá thành sản phẩm. Đánh giá sản phẩm dở dang chính xác sẽ giúp công tác tính giá thành được đúng đắn và hợp lý.

Khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ là khối lượng xây lắp chưa đạt đến giai đoạn quy định hoặc đã hoàn thành giai đoạn nhưng chưa được bàn giao, chưa được chấp nhận thanh toán.

Đối với các công trình thi công chưa xong, khối lượng sản phẩm dở dang là toàn bộ số chi phí doanh nghiệp đã đưa vào phục vụ thi công công trình.

Cuối kỳ phòng kế hoạch cùng đội trưởng công trình tiến hành kiểm kê xác định khối lượng xây lắp dở dang của từng công trình. Bộ phận kế toán căn cứ vào bản kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang để tiến hành xác định khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ.

Đối với công trình “sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”, công trình đã hoàn thành và bàn giao trong kỳ nên công trình không có khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ và do đó cũng không có chi phí dở dang cuối kỳ.

2.2.3. Kế toán giá thành sản phẩm**2.2.3.1. Đối tượng tính giá thành**

Công ty xác định đối tượng tính giá thành là các công trình, hạng mục công trình, các giai đoạn công việc đã hoàn thành hoặc hạng mục công trình lớn chuyển tiếp nhiều năm hoàn thành.

2.2.3.2. Kỳ tính giá thành

Công ty xác định kỳ tính giá thành theo thời gian hoàn thành công trình với các công trình nhỏ, thời gian thi công không quá một năm, còn đối với các công trình lớn, thời gian thi công kéo dài từ năm này qua năm khác, thì kỳ tính giá thành xác định là theo quý, xác định giá thành cho khối lượng công việc hoàn thành ở điểm dừng kỹ thuật hợp lý.

2.2.3.3. Phương pháp tính giá thành

Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành thực tế. Giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình là tổng chi phí phát sinh được tập hợp kể từ khi khởi công công trình cho đến khi hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư công trình đó.

Đánh giá khối lượng công việc hoàn thành ở công ty được tiến hành theo các bước sau:

❖ Bước 1: Nghiệm thu nội bộ

Ban kỹ thuật công trình, đội xây dựng tổ chức nghiệm thu khối lượng thực tế đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán tiền công xây dựng cho công nhân, đồng thời làm căn cứ để báo cáo nghiệm thu bước 2

❖ Bước 2: Nghiệm thu cơ sở

Thường do cán bộ của ban quản lý dự án (chủ đầu tư) cùng với công ty thực hiện. Số liệu này là căn cứ dùng để lập báo cáo.

❖ Bước 3: nghiệm thu thanh toán

Nghiệm thu thanh toán thường được nghiệm thu theo hạng mục hoàn thành. Thành phần tham gia gồm các giám sát kỹ thuật của ban quản lý dự án, cán bộ giám sát thiết kế thi công. Căn cứ vào số liệu nghiệm thu này, công ty lập hồ sơ thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành.

❖ Bước 4: Nghiệm thu công trình hoàn thành

Thường thực hiện khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Thành phần tham gia như bước 3, ngoài ra còn mời một số cơ quan cấp trên và một số cơ quan liên quan. Đại diện bên A (chủ đầu tư) cùng bên B (đơn vị thi công) tiến hành nghiệm thi xác định khối lượng xây lắp, đánh giá chất lượng làm cơ sở thanh quyết toán công trình. Sau đó lập biên bản nghiệm thi công trình.

Khi có biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành, biên bản thanh lý hợp đồng, bảng quyết toán giá trị xây lắp hoàn thành, kế toán tiến hành kết chuyển chi phí sản xuất vào trị giá vốn công trình

Nợ TK 632 – giá vốn hàng bán

Có TK 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Đối với những hợp đồng xây lắp đã hoàn thành trong kỳ kế toán tiến hành tính giá thành của hợp đồng xây lắp đó.

Biểu 2.28:

Đơn vị: Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH

Công trình: 03

Tên công trình: “sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu dân cư Hợp Đức – Đồ Sơn.”

Từ ngày 1/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Khoản mục chi phí	Chi phí sản xuất dở đang đầu kỳ	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	Tổng giá thành sản phẩm xây lắp
Chi phí NVL trực tiếp		664.732.439		664.732.439
Chi phí NC trực tiếp		220.095.000		220.095.000
Chi phí sử dụng máy thi công		120.051.000		120.051.000
Chi phí sản xuất chung		40.017.297		40.017.297
Tổng		1.044.895.736		1.044.895.736

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.)

Biểu 2.29:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH TOÀN CÔNG TY

Quý IV năm 2013

STT	Tên công trình	DDĐK	Chi phí phát sinh					DDCK	Z Sp
			CP NVLT	CP NCTT	CP MTC	CP SXC	Cộng		
1	cải tạo, nâng cấp nhà A1-Bắc Sơn	1.806.208.200	1.506.338.900	600.854.000	286.956.180	115.935.825	2.510.084.905	3.911.092.325	405.200.780
2	cải tạo, nâng cấp phòng học trường cấp 2 Bắc Hà	703.319.568	761.722.261	219.720.000	98.643.787	95.279.278	1.175.365.326	1.642.295.284	236.355.907
3	Sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức - Đồ Sơn	0	664.732.439	220.095.000	120.051.000	40.017.289	1.044.895.729	0	1.044.895.728
	Cộng	2.509.527.768	2.932.793.600	1.040.669.000	505.617.256	251.232.400	4.730.312.256	5.553.387.609	1.686.452.415

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Khi công trình hoàn thành được bàn giao ngay cho chủ đầu tư, kế toán tiến hành kết chuyển sang TK 632 để xác định giá vốn.

Biểu 2.30:

Đơn vị: Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 25

Nội dung	Tài khoản		Số tiền	
	Nợ	Có	Nợ	Có
Giá trị công trình hoàn thành trong công ty	632	154	1.686.452.415	1.686.452.415
Cộng			1.686.452.415	1.686.452.415

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Căn cứ vào phiếu kế toán ghi vào sổ nhật ký chung.

Biểu 2.31:

Đơn vị: **CÔNG TY CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Mẫu số S03a -DNN

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng. (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng.

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
						
14/12	PX K 12/05H	14/12	Xuất dùng xe kéo loại 1	154 153	2.750.000	2.750.000
...	...	...	...	...	...	
15/12	PN K 12/07H	15/12	Mua vật tư của công ty TNHH Phú Hải	152 133 331	9.800.000 980.000	10.780.000
28/12	HD 218	28/12	Thuê máy thi công theo hợp đồng số 15HD ngày 30/11/2013 cho CT <i>“sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”</i> .	154 133 331	89.320.000 8.932.000	98.252.000
...		...		...		
31/12	BPBCC DC T12	31/12	Phân bổ chi phí trả trước 242 vào TK 154.7	154 242	10.895.545	10.895.545
31/12	PKT 25	31/12	Giá trị công trình hoàn thành trong quý	632 154	1.686.452.415	1.686.452.415
...	...	...	...	..		
			Cộng phát sinh		36.403.215.344	36.403.215.344

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 154

Biểu 2.32:

Đơn vị: **Công ty CP ĐTXD Minh Nguyệt**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Tường Loan,

Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>2.509.527.768</u>	
...	...	...	...	...		
28/12	HĐ 218	28/12	Thuê máy thi công theo hợp đồng số 15HĐ ngày 30/11/2013 cho CT “sửa chữa, cải tạo tuyến đường khu chung cư Hợp Đức – Đồ Sơn”.	331	89.320.000	
....					...	
31/12	BTHL T12	31/12	Tính ra tiền lương phải trả bộ phận quản lý phân xưởng T12	334	16.749.462	
...		...		...		
31/12	BPBCCD C T12	31/12	Phân bổ chi phí trả trước 242 vào TK 154	242	10.895.545	
31/12	PKT 25	31/12	Giá trị công trình hoàn thành trong quý	632		1.686.452.415
			Cộng phát sinh		4.730.312.256	1.686.452.415
			Dư cuối kỳ		<u>5.553.387.879</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

(ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH NGUYỆT.

3.1.Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt được thành lập từ năm 2009, giai đoạn tài chính kinh tế thế giới nói chung, ở Việt Nam nói riêng gặp nhiều khó khăn. Với mục đích mang đến cho khách hàng các công trình, hạng mục công trình có chất lượng cao, giá thành thấp nhất, bước đầu công ty đã tạo được uy tín trên thị trường. Đặc biệt cho tới nay công ty đã xây dựng và hoàn thiện nhiều công trình quan trọng, thu hút được nhiều nhà đầu tư. Để làm được điều đó, ngoài việc công ty có một bộ máy kỹ thuật gồm nhiều kỹ sư có tay nghề cao, năng động, nhiệt huyết trong công việc thì phải nói đến bộ máy kế toán, một cánh tay đắc lực cho nhà lãnh đạo, cung cấp các thông tin kinh tế một cách chính xác, kịp thời, giúp nhà lãnh đạo đưa ra các hướng đi đúng đắn.

Hơn nữa, chi phí sản xuất quyết định trực tiếp đến giá thành sản phẩm. Vì thế, công ty rất chú trọng tới công tác kế toán, ngay từ khi thành lập công ty đã đầu tư một bộ máy kế toán hoạt động hiệu quả, phản ánh chi phí một cách chính xác, theo đúng nguyên tắc về đánh giá, phản ánh theo đúng giá thực tế tại mỗi thời điểm phát sinh chi phí, hạch toán và phân bổ chi phí theo đúng đối tượng, địa điểm phát sinh. Điều đó đã giúp công ty rất nhiều trong việc hạch toán giá thành sản phẩm.

Qua thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt nói riêng, đã mang đến cho em một số nhìn nhận sơ bộ, một số đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của Công ty như sau:

3.1.1. Ưu điểm:

❖ Về tổ chức bộ máy quản lý tại công ty:

Từ khi thành lập cho tới nay, công ty đã xây dựng được một bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban đáp ứng đầy đủ nhu cầu chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự tập trung, thống nhất và chặt chẽ trong việc chỉ đạo công tác kế toán, giúp doanh nghiệp kiểm tra, chỉ đạo sản xuất kịp thời, giảm nhẹ biên chế trong bộ máy làm việc.

❖ *Về tổ chức bộ máy kế toán và hình thức kế toán áp dụng:*

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, chặt chẽ, quy trình làm việc khoa học, thêm vào đó lại có sự phân nhiệm rõ ràng đối với từng người tạo ra sự ăn khớp nhịp nhàng giữa các phần hành kế toán. Đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ, có chuyên môn tốt, ý thức trách nhiệm cao và nhiệt tình trong công việc, luôn phát huy hết khả năng của mình đồng thời không ngừng học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau về chuyên môn nghiệp vụ.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt thực hiện hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này cho phép công ty có thể kiểm soát được từng lần nhập, xuất vật tư, hàng hoá, hạn chế tình trạng thất thoát, sử dụng lãng phí. Sản phẩm xây lắp thường có kết cấu phức tạp, giá trị lớn, thời gian thi công kéo dài, vật tư sử dụng để sản xuất gồm nhiều chủng loại khác nhau. Hơn nữa trong một kỳ kế toán công ty thực hiện nhiều công trình, mỗi công trình lại gồm nhiều hạng mục công trình. Do đó tình hình nhập xuất vật liệu được phản ánh thường xuyên kịp thời cho từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh, cho phép tính đúng tính đủ chi phí sản xuất cho các đối tượng sử dụng, giúp nhà quản trị doanh nghiệp nắm bắt được tình hình sử dụng các loại nguyên vật liệu một cách chính xác, từ đó có những quyết định đúng đắn, kịp thời thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ *Về công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:*

Công ty đã xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm là từng công trình, hạng mục công trình theo từng hợp đồng. Điều đó là hoàn toàn hợp lý, khoa học, phù hợp với đặc thù sản xuất thi công của công ty.

Hơn nữa, công ty giao quyền chủ động cho các đội sản xuất nên việc quản lý vật tư được thực hiện chặt chẽ, vật tư được cung ứng nhanh chóng kịp thời đảm bảo quá trình thi công diễn ra liên tục không gián đoạn góp phần đẩy nhanh tiến độ và rút ngắn thời gian thi công, hiện tượng hao hụt, mất mát vật tư rất hiếm gặp. Việc tổ chức quản lý lao động tại công trình được tổ chức một cách linh hoạt, hợp lý và có chất lượng, gần được tránh nhiệm của người lao

động với công việc. Cách làm trên đã giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

- *Đối với chi phí nguyên vật liệu:*

Chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành công trình. Để hạ thấp giá thành, công ty đã tìm các nhà cung cấp, cung cấp nguyên vật liệu chất lượng mà giá thành phải chăng. Nguyên vật liệu mua về được vận chuyển ngay đến tận công trình, giúp cho công ty tiết kiệm được chi phí kho bãi, chi phí bảo quản, chi phí vận chuyển. Công ty làm mọi biện pháp có thể để giảm chi phí nguyên vật liệu.

- *Đối với chi phí nhân công trực tiếp*

Với hình thức khoán gọn các công việc thủ công cho các lao động địa phương nơi thi công đã mang lại hiệu quả cao trong việc nâng cao trách nhiệm, ý thức của người lao động. Hình thức này gắn liền lợi ích của người lao động với chất lượng và tiến độ thi công, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, vốn và hạ giá thành sản phẩm.

- *Đối với chi phí sử dụng máy thi công:* Qua bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công đã đánh giá được chính xác giá trị phục vụ của máy thi công cũng như chi phí sử dụng máy tạo điều kiện thuận lợi cho hạch toán giá thành.

Chi phí sử dụng máy thi công được theo dõi riêng cho từng công trình, hạng mục công trình một cách chính xác. Các chứng từ phát sinh được tập hợp theo đúng nội dung kinh tế. Sổ chi tiết chi phí sử dụng máy thi công phản ánh đúng và đủ theo từng khoản mục phát sinh giảm bớt gánh nặng cho các kế toán.

Những ưu điểm trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên đã có tác dụng tích cực đến việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty vẫn còn những tồn tại nhất định.

3.1.2. Nhược điểm

❖ *Về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán:*

Đối với các doanh nghiệp xây lắp, khối lượng công việc lớn, thời gian thi công dài, công trình nằm rải rác... việc áp dụng kế toán thủ công gây ra không ít khó khăn cho công việc hạch toán, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Từ lâu Công ty đã trang bị hệ thống máy tính hiện đại tuy nhiên máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương

trong bảng thanh toán lương, khấu hao hàng tháng cho TSCĐ... Công việc kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán.

❖ *Về trích các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN)*

Đối với số nhân viên quản lý tổ, đội thi công (nhân viên biên chế): Công ty không tiến hành trích các khoản trích theo lương cho người lao động nên chưa bảo đảm được quyền lợi cho người lao động cũng như chưa khuyến khích được người lao động tích cực hơn trong công việc. Vì vậy, hiệu quả sản xuất chưa cao...

❖ *Về công tác hạch toán các khoản thiệt hại trong quá trình sản xuất:*

Là doanh nghiệp trong lĩnh vực xây lắp, với đặc thù riêng công ty có thể gặp phải những rủi ro khách quan hay chủ quan. Công ty hạch toán các khoản thiệt hại trong quá trình sản xuất (thiệt hại về sản phẩm hỏng...) vào chi phí sản xuất chung. Những khoản thiệt hại này không những gây tổn thất cho Công ty mà còn làm chi phí sản xuất tăng lên, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

❖ *Về công tác hạch toán chi phí sản xuất chung:*

Hiện tại chi phí sản xuất chung được tập hợp chung cho toàn công ty cho dù một số khoản chi phí sản xuất chung có thể tập hợp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình. Do đó, chi phí thực tế cho các công trình, hạng mục công trình không được phản ánh chính xác chính xác.

❖ *Về việc hạch toán các khoản chi phí, các khoản thu về thanh lý máy móc, thiết bị thi công chuyên dùng cho 1 hợp đồng xây lắp cụ thể và đã trích khấu hao hết vào giá trị của đơn hàng đó khi kết thúc hợp đồng xây dựng:*

Trường hợp công ty có thi công những công trình lớn, có thời gian thi công dài (có thể kéo dài đến 2 hoặc 3 năm) có sử dụng những loại máy móc thiết bị chuyên dùng và các loại máy móc, thiết bị này đã được trích khấu hao hết vào trong giá trị của công trình đó. Khi thanh lý nhượng bán, kế toán hạch toán như sau:

Bt1: phản ánh số thu hồi về thanh lý:

Nợ TK 111,112,131: thu bằng tiền, bán chịu.

Có TK 711: thu nhập về thanh lý.

Có TK 3331: VAT đầu ra nếu có.

Bt2: Phản ánh chi phí thanh lý số máy móc, thiết bị thi công nếu có:

Nợ TK 811: chi phí thanh lý.

Nợ TK 133: VAT đầu vào nếu có.

Có TK liên quan: 111,112, 334....

Việc hạch toán như trên là không đúng chế độ kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp xây dựng, đồng thời phản ánh không chính xác giá thành công trình.

❖ *Về công tác luân chuyển chứng từ kế toán*

Các chứng từ thường được đưa về chậm hơn so với thời gian quy định, có một số công trình đã được hoàn thành nhưng vẫn chưa tập hợp được chi phí, đến cuối quý dồn nhiều công trình lại với nhau, làm ảnh hưởng tới sự chính xác và kịp thời của Báo cáo tài chính. Vì thế, công tác kế toán thường gặp nhiều khó khăn, bị dồn nhiều vào cuối kỳ khiến cho kế toán chịu nhiều áp lực về thời gian hoàn thành báo cáo định kỳ, dẫn đến những sai sót không đáng có như ghi nhầm, ghi thiếu... làm ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin cho nhà quản lý, ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.

Cổ nhân có nói “phi thương bất phú”, lợi nhuận là mục tiêu hàng đầu trong kinh doanh. Để đạt được lợi nhuận cao, con đường cơ bản lâu dài nhất là phải hạ thấp giá thành nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng sản phẩm. Để hạ thấp giá thành doanh nghiệp phải hạ thấp được chi phí sản xuất sản phẩm. Tức là doanh nghiệp phải tìm nguồn cung ứng nguyên vật liệu với mức giá rẻ nhất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu mức tiết kiệm nhất nhưng vẫn đảm bảo chất lượng công trình, khai thác tối đa công suất máy móc, thiết bị, không ngừng nâng cao năng suất lao động...tất cả những điều đó đều được kế toán tập hợp, theo dõi, cung cấp thông tin cho các nhà quản lý ra các quyết định kinh doanh. Do đó, hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là công việc cần thiết, góp phần tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hơn nữa, việc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp cho doanh nghiệp tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty và yêu cầu quản lý Nhà nước, giúp cho nhà quản lý có được thông tin kịp thời nhanh chóng.

Thực tế tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm còn nhiều hạn chế. Vì

vậy, đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**” là đề tài có tính thời sự, cấp thiết.

3.2.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

Thứ nhất, đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tích chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Thứ hai, đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

Thứ tư, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt

Kiến nghị 1: Hoàn thiện về công tác ghi chép sổ sách kế toán

Sử dụng phần mềm kế toán trong doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện giảm bớt khối lượng công việc, giảm bớt sổ sách kế toán và đặc biệt đảm bảo cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác, góp phần đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác kế toán nói riêng cũng như công tác quản lý nói chung.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/TT- BTC của Bộ Tài Chính ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”. Hoặc công ty có thể đi mua phần

mềm của các nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán FAST của công ty cổ phần FAST.
- Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA
- Phần mềm kế toán SASINNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam.
- Phần mềm kế toán ASOFT của công ty giải pháp phần mềm ASOFT.
- Phần mềm kế toán ACMAN của công ty cổ phần ACMAN
- Phần mềm kế toán EFFECT của công ty cổ phần EFFECT
- Phần mềm kế toán Bravo của công ty cổ phần Bravo.

Khi trang bị phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để có thể sử dụng thành thạo, khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm. Việc sử dụng thành công phần mềm sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, nâng cao hiệu quả công việc, tránh nhầm lẫn, sai sót đồng thời lưu trữ, bảo quản số liệu thuận lợi và an toàn.

Kiến nghị 2: Hoàn thiện về việc trích các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) đối với nhân viên quản lý đội thi công và chế độ khen thưởng.

Công ty hiện tại không tiến hành trích các khoản trích theo lương (BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN) cho nhân viên quản lý tổ, đội (nhân viên biên chế). Để khuyến khích người lao động tích cực, hăng say hơn trong công việc góp phần tăng năng suất lao động và chất lượng công trình, đồng thời đảm bảo quyền lợi cho người lao động và tạo mối quan hệ gắn bó lâu dài giữa họ và doanh nghiệp, công ty nên tiến hành trích các khoản trích theo lương cho nhân viên quản lý tổ, đội nằm trong danh sách biên chế của công ty.

Năm 2013 tỉ lệ trích các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN được quy định như sau:

Biểu 3.1:

Chỉ tiêu	Người lao động đóng góp (trừ vào thu nhập)	Người sử dụng lao động đóng góp (tính vào chi phí)
1. BHXH: 24%	7%	17%
2. BHYT: 4,5%	1,5%	3%
3. BHTN: 2%	1%	1%
4. KPCĐ: 2%	-	2%
Tổng	9.5%	23%

Đối với lực lượng công nhân thuê ngoài (thường là số lượng rất lớn). Doanh nghiệp nên có những khoản khen thưởng, trợ cấp cho những cá nhân, tổ, đội sản xuất có kết quả lao động tốt, tiến độ thi công nhanh, sử dụng tiết kiệm tránh lãng phí vật tư, thiết bị....nhằm khuyến khích người lao động làm việc tốt hơn, có trách nhiệm hơn đối với công việc....từ đó góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Kiến nghị 3: Hoàn thiện về các khoản thiệt hại trong sản xuất

Trong quá trình thi công các công trình, hạng mục công trình có những thời điểm công ty phải bỏ ra những chi phí không đem lại kết quả vì các nguyên nhân khác nhau như: thiên tai, hỏa hoạn, trình độ tay nghề của người lao động, chất lượng nguyên vật liệu không đảm bảo...Nếu không tiến hành theo dõi các khoản thiệt hại trong sản xuất sẽ dẫn tới một số hạn chế trong việc quản lý chi phí và quản lý lao động như khó có thể thu hồi khoản bồi thường thiệt hại, không giáo dục được ý thức cẩn trọng trong lao động của công nhân... Để tránh tình trạng này xảy ra Công ty nên tiến hành hạch toán các khoản chi phí thiệt hại này căn cứ vào từng nguyên nhân cụ thể. Có như vậy mới hạn chế và khắc phục, kiểm soát và quản lý được các khoản thiệt hại và đảm bảo độ chính xác của giá thành sản phẩm.

❖ *Thiệt hại về sản phẩm hỏng:*

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm không thoả mãn các tiêu chuẩn về chất lượng và đặc điểm kỹ thuật... Thiệt hại về sản phẩm hỏng của công ty bao gồm: thiệt hại về sửa chữa sản phẩm hỏng và thiệt hại phá đi làm lại. Trong đó thiệt hại về sản phẩm hỏng nếu có chủ yếu là thiệt hại về sửa chữa sản phẩm hỏng. Hiện nay Công ty hạch toán phần thiệt hại này vào chi phí sản xuất chung làm tăng giá thành sản phẩm. Vì vậy trước khi hạch toán khoản thiệt hại này Công ty nên tìm hiểu nguyên nhân của sản phẩm hỏng để có biện pháp xử lý:

- + Nếu do lỗi bên A gây ra (Ví dụ như chủ đầu tư thay đổi thiết kế, kết cấu công trình): bên A phải bồi thường thiệt hại
- + Nếu sản phẩm hỏng là do người lao động thì tổ đội thi công phải chịu trách nhiệm, đồng thời phải theo dõi khoản thu hồi.
- + Nếu sản phẩm hỏng do lỗi kỹ thuật thì phải xử lý ngay để không làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và chất lượng sản phẩm.
- + Nếu do sự kiện khách quan: Thiên tai, hỏa hoạn...phải theo dõi chờ xử lý và sau đó căn cứ vào quyết định xử lý để tính vào chi phí bất thường...

Tuỳ theo mức độ mà sản phẩm hỏng được chia làm hai loại:.

- Sản phẩm hỏng không sửa chữa được: là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật không cho phép sửa chữa hoặc việc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế.

- Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được: là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật cho phép sửa chữa và việc sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

** Phương pháp hạch toán sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được:*

Để hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất kế toán sử dụng các tài khoản như quá trình sản xuất sản phẩm: 138, 154.

1. Các chi phí phát sinh cho quá trình sửa chữa sản phẩm hỏng

Nợ TK 154: (chi tiết sản phẩm hỏng)

Có TK 152, 334, 214, 111....

2. Khi sửa chữa xong kết chuyển chi phí sửa chữa vào tài khoản 138

Nợ TK 1381: (chi tiết sửa chữa sản phẩm hỏng)

Có TK 154:

3. Cuối kỳ xử lý thiệt hại

a. Đối với sản phẩm hỏng trong định mức cho phép

Nợ TK 152, 111, 112: phần phế liệu thu hồi

Nợ TK 154 (chi tiết SXC): phần được tính vào giá thành sản phẩm

Có TK 1381: (chi tiết sản phẩm hỏng)

b. Đối với sản phẩm hỏng ngoài định mức cho phép

Nợ TK 152, 111, 112 phần phế liệu thu hồi

Nợ TK 811: phần được tính vào chi phí khác

Nợ TK 138 (1388): phần bồi thường phải thu

Nợ TK 334: phần được tính trừ vào lương công nhân viên

Có TK 1381: (chi tiết sản phẩm hỏng)

** Phương pháp hạch toán sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được:*

1. Hạch toán giá trị sản phẩm hỏng:

Nợ TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng phá đi làm lại (SP hỏng không thể sửa chữa được).

Có TK 154:

2. Xử lý thiệt hại phá đi làm lại:

Nợ TK 1388: số phải thu về các khoản bồi thường.

Nợ TK 152: Giá trị phế liệu, vật liệu thu hồi nếu có.

Nợ TK 334: khoản bồi thường do lỗi người lao động trừ vào lương.

Nợ TK 811: khoản thiệt hại phá đi làm lại tính vào chi phí khác.

Có TK 1381: Giá trị sản phẩm hỏng phá đi làm lại (SP hỏng không thể sửa chữa được).

Kiến nghị 4: Hoàn thiện về việc hạch toán chi phí sản xuất chung.

Hiện tại công ty tiến hành tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh trong quý, đến cuối quý kế toán mới tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình, hạng mục công trình theo tiêu thức phân bổ “**giá thành dự toán**”. Cách làm này có ưu điểm là dễ hạch toán và theo dõi nhưng số liệu được phân bổ cho các công trình có tính chính xác không cao. Công ty nên thay đổi cách hạch toán chi phí sản xuất chung để phản ánh chính xác giá thành của từng công trình.

- Đối với những chi phí sản xuất có thể tập hợp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình nào thì kế toán nên tập hợp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó.
- Đối với những chi phí sản xuất không thể tập hợp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình mà phải tập hợp chung thì công ty sẽ mở sổ chi tiết TK 154 toàn công ty phân cần phân bổ để tập hợp chi phí sản xuất chung cho các công trình, hạng mục công trình, cuối quý tiến hành phân bổ chi phí sản xuất đó cho từng công trình, hạng mục công trình theo tiêu thức “**giá thành dự toán**”.

Kiến nghị 5: Hoàn thiện về việc hạch toán các khoản chi phí, các khoản thu về thanh lý máy móc, thiết bị thi công chuyên dùng cho 1 hợp đồng xây lắp cụ thể và đã trích khấu hao hết vào giá trị của đơn hàng đó khi kết thúc hợp đồng xây dựng:

Trường hợp công ty có thi công những công trình lớn, có thời gian thi công dài (có thể kéo dài đến 2 hoặc 3 năm) có sử dụng những loại máy móc thiết bị chuyên dùng và các loại máy móc, thiết bị này đã được trích khấu hao hết vào trong giá trị của công trình đó. Khi thanh lý nhượng bán, số thu về thanh lý không được ghi nhận vào tài khoản 711 mà phải được ghi nhận vào bên có của tài khoản 154. Chi phí về liên quan đến nhượng bán không được phản ánh vào tài khoản 811 mà được phản ánh vào bên nợ tài khoản 154. Cụ thể là:

Bt1: Phản ánh số thu hồi về thanh lý kế toán ghi:

Nợ TK 111,112,131: thu bằng tiền, bán chịu.

Có TK 154: thu nhập về thanh lý (làm giảm giá thành công trình)
(giá bán chưa thuế).

Có TK 3331: VAT đầu ra nếu có.

Bt2: Phản ánh chi phí thanh lý số máy móc, thiết bị thi công nếu có, kế toán ghi:

Nợ TK 154: chi phí thanh lý (làm tăng giá thành công trình).

Nợ TK 133: VAT đầu vào nếu có.

Có TK liên quan: 111, 112, 334....

Nếu áp dụng cách làm trên, công ty sẽ không những tuân thủ đúng theo chế độ kế toán hiện hành áp dụng trong doanh nghiệp xây lắp mà còn phản ánh chính xác giá thành của mỗi công trình.

Kiến nghị 6: Hoàn thiện việc tập hợp chứng từ gốc ban đầu

Việc tập hợp chứng từ gốc nhất là đối với công trình thi công xa trụ sở công ty thường chậm dẫn đến phản ánh các khoản chi phí phát sinh không kịp thời, dễ gây ra sự nhầm lẫn sai sót trong khi hạch toán. Các số liệu về tình hình chi phí thực tế không được cung cấp kịp thời cho công tác quản lý. Để khắc phục tình trạng này, phòng kế toán - tài vụ của công ty cần có những quy định về thời gian nộp chứng từ gốc nhất là đối với những công trình thi công xa trụ sở công.

Trên đây là một số ý kiến của em nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, để thực hiện được những giải pháp trên Công ty còn phải căn cứ vào nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh vô cùng gay gắt, khốc liệt, các doanh nghiệp muốn thu được lợi nhuận cao, một trong những biện pháp cơ bản và hữu hiệu nhất đó là giảm được giá thành sản phẩm nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng. Muốn giảm được giá thành sản phẩm phải giảm được chi phí sản xuất sản phẩm. Vì thế kế toán công tác chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là vô cùng quan trọng, là công cụ quản lý đắc lực của các nhà quản lý.

Qua quá trình thực tập tại công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nguyệt, được sự hướng dẫn và chỉ đạo tận tình của lãnh đạo, các cô, các bác, các anh chị trong công ty, đặc biệt các cô, anh chị trong phòng kế toán, em đã hình dung và hiểu được khái quát thực tế công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp. Điều đó đã giúp em vận dụng được những kiến thức lý thuyết đã học vào trong bối cảnh thực tế tại Doanh nghiệp, mà cụ thể ở đây là doanh nghiệp xây lắp. Quá trình thực tập đã cung cấp cho em những kinh nghiệm và kỹ năng quý báu, cần thiết của một kế toán trong tương lai.

Với góc độ nhìn nhận của một sinh viên kế toán thực tập tại công ty xây lắp, giữa kiến thức đã học và thực tiễn còn có một khoảng cách nhưng em cũng xin được mạnh dạn trình bày một số ý kiến riêng của mình với nguyện vọng hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty.

Mặc dù đã cố gắng rất nhiều nhưng do hạn chế về nhiều mặt nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự quan tâm góp ý và chỉ bảo của các thầy, cô giáo trong khoa cũng như các cán bộ, nhân viên phòng Kế toán – Hạch toán của Công ty để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến **Thầy giáo Thạc sỹ Nguyễn Văn Thụ** người đã trực tiếp hướng dẫn em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp và các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường ĐH Dân Lập Hải Phòng - những người đã cung cấp cho em nền tảng kiến thức quan trọng để em tự tin bước vào nghề.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2014.

Sinh viên

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính. 2010. *Chế độ kế toán Việt Nam Quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*. Hà Nội: NXB Thống kê
2. Bộ tài chính. 2010. *Chế độ kế toán Việt Nam Quyển 2 Báo cáo tài chính và sổ kế toán sơ đồ kế toán*. Hà Nội: NXB Thống kê.
3. PGS. TS. Nguyễn Đình Đỗ và TS. Trương Thị Thuỷ. 2006. *Kế toán và phân tích Chi phí – Giá thành trong doanh nghiệp (theo chuẩn mực kế toán Việt Nam)*. Hà Nội: NXB Tài chính.
4. TS. Phan Đức Dũng. 2008. *Kế toán Chi phí Giá thành*. Hà Nội: NXB Thống kê.
5. PGS. TS. Võ Văn Nhị. 2009. *Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp*. Hà Nội: NXB Tài chính.